VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Văn bản hợp nhất số 12/VBHN-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2021 hợp nhất Thông tư quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ

(Tiếp theo Công báo số 539 + 540)

Phần III
SÁT HẠCH, CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

Chương II
SÁT HẠCH LÁI XE

Mục 1
TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE

Điều 18. Trách nhiệm của trung tâm sát hạch lái xe

1. Bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị kiểm tra, chấm điểm theo quy định để thực hiện các kỳ sát hạch đạt kết quả chính xác, khách quan; báo cáo về Sở Giao thông vận tải và Tổng cục Đường bộ Việt Nam khi thiết bị, phương tiện dùng cho sát hạch hoạt động không chính xác, không ổn định hoặc khi thay đổi thiết bị, phương tiện dùng cho sát hạch để xử lý kịp thời.

2. Phối hợp và tạo mọi điều kiện để các cơ sở đào tạo lái xe đưa học viên đến ôn luyện và các Hội đồng sát hạch tổ chức sát hạch thuận tiện, đúng kế hoạch.

3. Chấp hành và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm tra, kiểm chuẩn trung tâm sát hạch lái xe.

4. Công khai mức thu phí sát hạch và giá các dịch vụ khác.

5. Bảo đảm an toàn cho các kỳ sát hạch lái xe; phối hợp các đơn vị, cơ quan liên quan giải quyết khi có các vụ việc tai nạn, mất an toàn xảy ra.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, công khai lịch sát hạch trên Trang thông tin điện tử của trung tâm sát hạch, lưu trữ hồ sơ kết quả sát hạch theo quy định.

7.[28] Thực hiện giám sát bằng hệ thống Camera đối với phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch lái xe trong hình tại các khu vực có bài sát hạch: Xuất phát, dừng và khởi hành xe trên dốc, qua vệt bánh xe, qua ngã tư, ghép xe vào nơi đỗ và bài kết thúc. Hệ thống sử dụng camera IP, có độ phân giải HD trở lên, có giao diện tương tác, kết nối đáp ứng tối thiểu theo tiêu chuẩn mở ONVIF, được đồng bộ về thời gian với máy chủ sát hạch lý thuyết, máy tính điều hành thiết bị chấm điểm thực hành lái xe trong hình; đảm bảo kết nối trực tuyến, truyền dữ liệu hình ảnh (dạng video) theo giao thức chuẩn mở sử dụng cho trao đổi dữ liệu hai chiều thời gian thực giữa máy chủ và máy trạm (websocket) về Tổng cục Đường bộ Việt Nam để quản lý, giám sát, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu với các Sở Giao thông vận tải và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện chức năng quản lý nhà nước. Dữ liệu hình ảnh (dạng video) giám sát phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch lái xe trong hình phải công khai trực tiếp trên màn hình lắp đặt tại phòng chờ sát hạch và lưu trữ ở trung tâm sát hạch theo quy định. Hệ thống các thiết bị nói trên phải đảm bảo tính bảo mật, ngăn chặn các truy cập trái phép từ bên ngoài.

8.[29] Tiếp nhận, sử dụng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông do Tổng cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao để sát hạch lái xe theo lộ trình quy định tại khoản 4 Điều 47 của Thông tư này.

---

[28] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[29] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

Mục 2
NGƯỜI DỰ SÁT HẠCH LÁI XE

Điều 19. Hồ sơ dự sát hạch lái xe

1. Đối với người dự sát hạch lái xe lần đầu

Cơ sở đào tạo lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp tại Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 9 của Thông tư này;

b) Chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo đối với người dự sát hạch lái xe hạng A4, B1, B2 và C;

c) Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch.

2. Đối với người dự sát hạch nâng hạng giấy phép lái xe lên hạng B1, B2, C, D, E và các hạng F

Cơ sở đào tạo lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp tại Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 9 của Thông tư này;

b) Chứng chỉ đào tạo nâng hạng;

c) Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch nâng hạng.

3. Đối với người dự sát hạch lại do giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng theo quy định

Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp tại Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Giấy tờ quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 9 của Thông tư này;

b) Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này;

c)[30] *(được bãi bỏ)*

4. Đối với người dự sát hạch lại do bị mất giấy phép lái xe

Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp tại Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Giấy tờ quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 9 của Thông tư này;

b) Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này có ghi ngày tiếp nhận hồ sơ của cơ quan tiếp nhận;

c) Bản chính hồ sơ gốc của giấy phép lái xe bị mất (nếu có).

Điều 20.[31] *(được bãi bỏ)*

Mục 3
QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE

Điều 21. Nội dung và quy trình sát hạch lái xe

1. Việc sát hạch để cấp giấy phép lái xe ô tô phải được thực hiện tại các trung tâm sát hạch lái xe có đủ điều kiện hoạt động (sau đây gọi là trung tâm sát hạch).

2. Việc sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3 và A4 ở các đô thị từ loại 2 trở lên phải được thực hiện tại các trung tâm sát hạch lái xe có đủ điều kiện hoạt động; các địa bàn khác thực hiện tại các sân sát hạch có đủ các hạng mục công trình cơ bản, phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch và xe cơ giới dùng để sát hạch của từng hạng giấy phép lái xe theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

---

[30] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 31 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[31] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 31 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

3. Nội dung sát hạch cấp giấy phép lái xe

a) Sát hạch lý thuyết: gồm các câu hỏi liên quan đến quy định của pháp luật giao thông đường bộ, kỹ thuật lái xe, ngoài ra còn có nội dung liên quan đến cấu tạo và sửa chữa thông thường, nghiệp vụ vận tải (đối với giấy phép lái xe hạng A3, A4); cấu tạo và sửa chữa thông thường, đạo đức người lái xe (đối với giấy phép lái xe ô tô hạng B1); cấu tạo và sửa chữa thông thường, nghiệp vụ vận tải, đạo đức người lái xe (đối với giấy phép lái xe ô tô từ hạng B2 trở lên).

Người dự sát hạch lái xe hạng A1 có giấy phép lái xe ô tô do ngành Giao thông vận tải cấp được miễn sát hạch lý thuyết.

b) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng A1, A2

Người dự sát hạch phải điều khiển xe mô tô qua 04 bài sát hạch: đi theo hình số 8, qua vạch đường thẳng, qua đường có vạch cản, qua đường gồ ghề.

c) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng A3, A4

Người dự sát hạch phải điều khiển xe tiến qua hình chữ chi và lùi theo hướng ngược lại.

d) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng B1, B2, C, D và E

Người dự sát hạch phải thực hiện đúng trình tự và điều khiển xe qua các bài sát hạch đã bố trí tại trung tâm sát hạch như: xuất phát, dừng xe nhường đường cho người đi bộ, dừng và khởi hành xe trên dốc, qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc, qua ngã tư có đèn tín hiệu điều khiển giao thông, qua đường vòng quanh co, ghép xe vào nơi đỗ (hạng B1, B2 và C thực hiện ghép xe dọc; hạng B1, B2 và D, E thực hiện ghép xe ngang), tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua, thao tác khi gặp tình huống nguy hiểm, thay đổi số trên đường bằng, kết thúc.

đ) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng FB2, FD và FE

Người dự sát hạch điều khiển xe qua bài sát hạch: tiến qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng trở lại.

e) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với hạng FC

Người dự sát hạch điều khiển xe qua 02 bài sát hạch: tiến qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng trở lại; ghép xe dọc vào nơi đỗ.

g) Sát hạch thực hành lái xe trên đường: người dự sát hạch điều khiển xe ô tô sát hạch, xử lý các tình huống trên đường giao thông và thực hiện hiệu lệnh của sát hạch viên.

h)[32] Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông: Người dự sát hạch xử lý các tình huống mô phỏng xuất hiện trên máy tính;

i)[33] Sát hạch thực hành lái xe trong hình để cấp giấy phép lái xe hạng A1 cho người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật.

Người dự sát hạch phải điều khiển xe tiến qua hình chữ chi.

4. Việc tổ chức sát hạch lái xe được thực hiện như sau:

a) Sát hạch lý thuyết đối với hạng A1 ở các đô thị từ loại 2 trở lên thực hiện trên máy vi tính; các địa bàn khác thực hiện trắc nghiệm trên giấy hoặc trên máy vi tính; phòng sát hạch lý thuyết có camera giám sát quá trình sát hạch;

b) Sát hạch lý thuyết đối với các hạng A2, A3, A4, B1, B2, C, D, E và các hạng F thực hiện trên máy vi tính; phòng sát hạch lý thuyết có camera giám sát và công khai quá trình sát hạch;

c) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng A1, A2 ở các đô thị từ loại 3 trở lên phải sử dụng thiết bị chấm điểm tự động; các địa bàn khác có khoảng cách đến trung tâm đô thị từ loại 3 trở lên dưới 100 km phải sử dụng thiết bị chấm điểm tự động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018;

d) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng F thực hiện tại trung tâm sát hạch lái xe hoặc sân sát hạch có đủ điều kiện thuộc trung tâm sát hạch lái xe;

đ) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng B1, B2, C, D, E thực hiện tại trung tâm sát hạch có thiết bị chấm điểm tự động, không có sát hạch viên ngồi trên xe sát hạch;

---

[32] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[33] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

e) Sát hạch thực hành lái xe trên đường giao thông áp dụng đối với các hạng B1, B2, C, D, E và F;

g) Sát hạch thực hành lái xe trên đường đối với các hạng B1, B2, C, D và E phải sử dụng thiết bị chấm điểm tự động và có một sát hạch viên trên xe.

h)[34] Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông thực hiện tại trung tâm sát hạch.

5. Tổng cục Đường bộ Việt Nam hướng dẫn cụ thể quy trình sát hạch lái xe.

Điều 22. Chuẩn bị kỳ sát hạch

Cơ quan quản lý sát hạch thực hiện các công việc sau:

1. Đối với kỳ sát hạch lái xe các hạng A1, A2

a) Tiếp nhận báo cáo đăng ký sát hạch cấp giấy phép lái xe mô tô các hạng A1, A2 do cơ sở đào tạo gửi;

b) Kiểm tra hồ sơ và điều kiện người dự sát hạch theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Thông tư này;

c) Trình Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Giám đốc Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định tổ chức kỳ sát hạch; thành lập Tổ sát hạch.

2. Đối với kỳ sát hạch lái xe các hạng A3, A4, B1, B2, C, D, E và F

a) Tiếp nhận báo cáo đăng ký sát hạch lái xe, danh sách học viên (báo cáo 1), danh sách đề nghị xác minh giấy phép lái xe đã cấp của cơ sở đào tạo theo mẫu quy định tại Phụ lục 3a, Phụ lục 3b và Phụ lục 3c ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tiếp nhận báo cáo đề nghị tổ chức sát hạch lái xe kèm danh sách thí sinh dự sát hạch (báo cáo 2) của cơ sở đào tạo theo mẫu quy định tại Phụ lục 11a và Phụ lục 11b ban hành kèm theo Thông tư này. Báo cáo 2 gửi bằng đường bưu chính và truyền dữ liệu qua hệ thống thông tin giấy phép lái xe về Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải trước kỳ sát hạch 07 ngày làm việc;

---

[34] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

c) Kiểm tra hồ sơ và điều kiện người dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe các hạng A3, A4, B1, B2, C, D, E và F theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Thông tư này và người dự sát hạch phải có tên trong danh sách học viên (báo cáo 1), danh sách thí sinh dự sát hạch (báo cáo 2) và có bản xác minh giấy phép lái xe đã cấp (đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe);

Người được giao nhiệm vụ kiểm tra, duyệt hồ sơ thí sinh dự sát hạch phối hợp với cơ sở đào tạo lập biên bản kiểm tra hồ sơ theo mẫu quy định tại Phụ lục 11c ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Dự kiến kế hoạch sát hạch và thông báo cho cơ sở đào tạo và người dự sát hạch;

đ) Trình Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Giám đốc Sở Giao thông vận tải duyệt và ra quyết định tổ chức kỳ sát hạch lái xe; thành lập Hội đồng sát hạch, Tổ sát hạch theo mẫu quy định tại Phụ lục 12a ban hành kèm theo Thông tư này và danh sách thí sinh dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe các hạng theo mẫu quy định tại các Phụ lục 12b và Phụ lục 12c ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đối với việc sát hạch để cấp lại giấy phép lái xe do bị quá hạn, bị mất

a) Rà soát, kiểm tra các điều kiện theo quy định tại Điều 36, lập danh sách thí sinh dự sát hạch lại theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư này, trình Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Giám đốc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tổ chức cùng với kỳ sát hạch lái xe quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này; trường hợp chưa có kỳ sát hạch lái xe phù hợp, có thể thành lập Hội đồng, Tổ sát hạch lái xe theo quy định (thành phần Hội đồng, Tổ sát hạch không có thành viên của cơ sở đào tạo);

b) Đối với địa phương chưa có trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2: nếu chỉ có thí sinh sát hạch lại lý thuyết thì có thể tổ chức sát hạch tại địa phương theo bộ đề hoặc phần mềm sát hạch do Tổng cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao; nếu sát hạch lại cả lý thuyết và thực hành thì phải sát hạch tại trung tâm sát hạch lái xe của địa phương khác theo quy định.

Điều 23. Hội đồng sát hạch

1. Hội đồng sát hạch do Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Giám đốc Sở Giao thông vận tải thành lập

a) Hội đồng làm việc phải có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự, quyết định theo đa số; trường hợp các thành viên trong hội đồng có ý kiến ngang nhau thì thực hiện theo kết luận của Chủ tịch hội đồng;

b) Hội đồng sát hạch tự giải thể khi kết thúc kỳ sát hạch.

2. Thành phần của Hội đồng sát hạch

a)[35] Chủ tịch hội đồng là người đại diện của Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải, có giấy phép lái xe ô tô, được lãnh đạo Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc lãnh đạo Sở Giao thông vận tải giao nhiệm vụ;

b) Các ủy viên gồm: Giám đốc trung tâm sát hạch lái xe, Thủ trưởng cơ sở đào tạo lái xe, Tổ trưởng Tổ sát hạch và Ủy viên thư ký; Ủy viên thư ký là người của Cơ quan quản lý sát hạch thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng sát hạch

a) Chỉ đạo kiểm tra và yêu cầu hoàn thiện các điều kiện tổ chức kỳ sát hạch;

b) Phân công và sắp xếp kế hoạch thực hiện kỳ sát hạch;

c) Phổ biến, hướng dẫn các quy định, nội quy sát hạch, thông báo mức phí, lệ phí sát hạch, cấp giấy phép lái xe và các quy định cần thiết cho các sát hạch viên và người dự sát hạch;

d) Tổ chức kỳ sát hạch theo quy định;

đ) Lập biên bản xử lý các vi phạm quy định sát hạch theo quyền hạn được giao và báo cáo cơ quan có thẩm quyền;

e) Yêu cầu cơ sở đào tạo và người dự sát hạch bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra tai nạn (do lỗi của thí sinh dự sát hạch gây ra) trong quá trình sát hạch lái xe trong hình;

---

[35] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 14 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

g) Tổng hợp kết quả kỳ sát hạch và ký xác nhận biên bản;

h) Gửi, lưu trữ các văn bản, tài liệu của kỳ sát hạch tại cơ sở đào tạo, trung tâm sát hạch lái xe và Cơ quan quản lý sát hạch.

Điều 24. Tổ sát hạch

1. Tổ sát hạch do Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Giám đốc Sở Giao thông vận tải thành lập.

a) Tổ sát hạch chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hội đồng sát hạch. Tổ sát hạch cấp giấy phép lái xe hạng A1, A2 chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Cơ quan quản lý sát hạch;

b) Tổ sát hạch tự giải thể khi kết thúc kỳ sát hạch.

2. Tổ sát hạch gồm Tổ trưởng và các sát hạch viên

a) Tổ trưởng là sát hạch viên và là người của Cơ quan quản lý sát hạch thuộc Sở Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam; khi thực hiện nhiệm vụ tại kỳ sát hạch lái xe ô tô phải có thẻ sát hạch viên lái xe ô tô;

b) Sát hạch viên là người của Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải (trừ thanh tra viên, công chức thanh tra) và giáo viên của cơ sở đào tạo lái xe. Giáo viên của cơ sở đào tạo lái xe phải có thâm niên giảng dạy và đóng bảo hiểm xã hội liên tục tối thiểu 03 năm, không được sát hạch đối với học viên do cơ sở trực tiếp đào tạo.

3. Tiêu chuẩn của sát hạch viên

a)[36] Có tư cách đạo đức tốt, không trong thời gian bị xử lý kỷ luật;

b) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên. Đối với sát hạch viên đã có thẻ trước ngày Thông tư này có hiệu lực, nếu chưa đáp ứng được tiêu chuẩn này, sau 03 năm phải hoàn thiện để đáp ứng;

c) Có giấy phép lái xe tương ứng với hạng xe sát hạch ít nhất 03 năm;

---

[36] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 15 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

d) Được tập huấn về nghiệp vụ sát hạch và được Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp thẻ sát hạch viên.

4. Thẻ sát hạch viên có thời hạn 03 năm, theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Nhiệm vụ của Tổ sát hạch

a) Kiểm tra phương tiện, trang thiết bị chấm điểm, sân sát hạch, phương án bảo đảm an toàn trong quá trình sát hạch;

b)[37] Yêu cầu thí sinh chấp hành nội quy sát hạch; không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch và khu vực sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông;

c) Lập biên bản, xử lý các trường hợp vi phạm nội quy trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc báo cáo Hội đồng sát hạch;

d) Sát hạch, tổng hợp kết quả, đánh giá kỳ sát hạch để báo cáo Hội đồng sát hạch hoặc Cơ quan quản lý sát hạch (đối với sát hạch cấp giấy phép lái xe các hạng A1, A2);

đ) Sát hạch viên chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả sát hạch. Tổ trưởng Tổ sát hạch chịu trách nhiệm về kết quả chung của kỳ sát hạch.

6.[38] Trang phục của sát hạch viên

a) Khi thi hành nhiệm vụ, sát hạch viên phải mặc trang phục theo quy định tại Phụ lục 25 ban hành kèm theo Thông tư này và đeo thẻ sát hạch viên theo quy định tại khoản 4 Điều này.

b) Trang phục

Trang phục của sát hạch viên lái xe cơ giới đường bộ bao gồm: Áo, quần, váy nữ, cà vạt (cravat), thắt lưng, giầy da, bít tất và băng đỏ (đối với Tổ trưởng sát hạch).

---

[37] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 15 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[38] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 15 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

c) Tiêu chuẩn và niên hạn cấp phát

STT	Tên trang phục	Số lượng	Niên hạn cấp phát
1	Áo Vest	01 chiếc	03 năm
2	Áo thu - đông	02 chiếc	03 năm
3	Áo xuân - hè	02 chiếc	03 năm
4	Quần nam	02 chiếc	03 năm
5	Quần nữ	01 chiếc	03 năm
6	Váy nữ	01 chiếc	03 năm
7	Giầy da	01 đôi	03 năm
8	Cà vạt	01 chiếc	03 năm
9	Thắt lưng	01 chiếc	03 năm
10	Bít tất	06 đôi	03 năm
11	Băng đỏ	01 chiếc	03 năm

d) Quản lý và sử dụng trang phục

Sát hạch viên được cấp trang phục để sử dụng khi thi hành công vụ tại các kỳ sát hạch và có trách nhiệm giữ gìn bảo quản trang phục theo quy định; kinh phí mua sắm trang phục theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Trình tự tổ chức sát hạch

1. Họp Hội đồng sát hạch và khai mạc kỳ sát hạch

a) Trước khi tổ chức sát hạch, Chủ tịch Hội đồng sát hạch tổ chức họp Hội đồng, Tổ sát hạch, Tổ giám sát (nếu có), phân công nhiệm vụ của từng thành viên trong kỳ sát hạch;

b) Tổ chức khai mạc kỳ sát hạch để công bố quyết định tổ chức kỳ sát hạch, phổ biến các nội dung có liên quan của kỳ sát hạch cho người dự sát hạch.

2. Sát hạch theo nội dung, quy trình sát hạch.

3. Kết thúc kỳ sát hạch

a) Đối với kỳ sát hạch lái xe các hạng A3, A4, B1, B2, C, D, E và F: Chủ tịch Hội đồng sát hạch tổ chức họp Hội đồng, Tổ sát hạch, Tổ giám sát (nếu có), Tổ trưởng

Tổ sát hạch báo cáo kết quả sát hạch và thống nhất ký biên bản tổng hợp kết quả sát hạch. Chủ tịch Hội đồng sát hạch ký tên và đóng dấu vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của người dự sát hạch trúng tuyển theo mẫu quy định tại Phụ lục 15a ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đối với kỳ sát hạch lái xe mô tô các hạng A1, A2: Tổ trưởng Tổ sát hạch tổ chức họp các thành viên của Tổ sát hạch, Giám đốc cơ sở đào tạo lái xe, Tổ giám sát (nếu có) thông qua kết quả sát hạch và thống nhất ký biên bản tổng hợp kết quả kỳ sát hạch. Trưởng Cơ quan quản lý sát hạch ký tên và đóng dấu xác nhận vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của người dự sát hạch trúng tuyển theo mẫu quy định tại Phụ lục 15b ban hành kèm theo Thông tư này.

Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe là hồ sơ gốc, giao cho người trúng tuyển kỳ sát hạch tự bảo quản.

Điều 26. Giám sát kỳ sát hạch

1. Căn cứ tình hình thực tế, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải tổ chức giám sát đột xuất kỳ sát hạch.

2. Cán bộ giám sát kỳ sát hạch là công chức thanh tra thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc công chức thanh tra, thanh tra viên thuộc Sở Giao thông vận tải. Số lượng người giám sát đối với kỳ sát hạch lái xe mô tô là 02 người, sát hạch lái xe ô tô là 03 người, trong đó cử một thanh tra viên làm Tổ trưởng.

3. Khi làm nhiệm vụ giám sát các kỳ sát hạch, người giám sát phải mặc trang phục theo quy định.

4. Nhiệm vụ của Tổ giám sát khi sát hạch lái xe tại các trung tâm sát hạch có lắp thiết bị chấm điểm tự động

a) Giám sát việc thực hiện đúng nội dung, quy trình sát hạch của Hội đồng sát hạch, Tổ sát hạch; bảo đảm tính công khai, khách quan, minh bạch trong quá trình sát hạch;

b) Giám sát việc kiểm tra nhận dạng người dự sát hạch trước khi vào phòng sát hạch lý thuyết, sát hạch thực hành lái xe trong hình, trên đường; người không có nhiệm vụ không được vào phòng sát hạch lý thuyết;

c) Giám sát việc thực hiện đúng đoạn đường cho phép tổ chức sát hạch lái xe trên đường; theo dõi, thu nhận các thông tin liên quan đến kỳ sát hạch;

d) Cán bộ giám sát làm việc độc lập, không vào phòng sát hạch lý thuyết, không lên xe sát hạch, không làm thay nhiệm vụ của sát hạch viên.

5. Nhiệm vụ của Tổ giám sát khi sát hạch lái xe tại các trung tâm sát hạch chưa lắp thiết bị chấm điểm tự động

Ngoài nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, d khoản 4 Điều này phải giám sát việc chuẩn bị bộ đề sát hạch lý thuyết đúng quy định, không bị đánh dấu.

6. Quyền hạn của Tổ giám sát

a) Khi phát hiện sai phạm phải lập biên bản, đề nghị Hội đồng sát hạch, Tổ sát hạch xử lý kịp thời, đúng quy định;

b) Báo cáo Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Giám đốc Sở Giao thông vận tải để xem xét, xử lý.

7. Kết thúc kỳ sát hạch, Tổ trưởng Tổ giám sát báo cáo bằng văn bản kết quả giám sát với Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

Điều 27. Công nhận kết quả sát hạch[39]

1. Xét công nhận kết quả sát hạch đối với người dự sát hạch lái xe hạng A1, A2, A3 và A4:

a) Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết và thực hành lái xe trong hình thì được công nhận trúng tuyển;

b) Thí sinh không được công nhận trúng tuyển được đăng ký sát hạch lại kể từ kỳ sát hạch tiếp theo, với cùng một cơ quan quản lý sát hạch cấp giấy phép lái xe;

c) Thí sinh không đạt nội dung sát hạch lý thuyết thì không được dự nội dung sát hạch thực hành lái xe trong hình;

---

[39] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

d) Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết nhưng không đạt nội dung sát hạch thực hành lái xe trong hình thì được bảo lưu kết quả sát hạch lý thuyết trong thời gian 01 năm kể từ ngày đạt kết quả sát hạch; nếu muốn dự sát hạch phải đáp ứng điều kiện về độ tuổi, giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp còn giá trị sử dụng theo quy định và phải có tên trong biên bản xác nhận vắng, trượt của Hội đồng sát hạch hoặc Tổ sát hạch kỳ trước.

đ) Thí sinh mang điện thoại hoặc thiết bị truyền tin trong phòng sát hạch lý thuyết hoặc có các hành vi gian dối khác làm sai lệch kết quả sát hạch sẽ bị đình chỉ làm bài, hủy bỏ kết quả sát hạch.

2. Xét công nhận kết quả sát hạch đối với người dự sát hạch lái xe hạng B1 số tự động, hạng B1, B2, C, D, E và các hạng F:

a) Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết, sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông, thực hành lái xe trong hình và trên đường thì được công nhận trúng tuyển;

b) Thí sinh không được công nhận trúng tuyển được đăng ký sát hạch lại kể từ kỳ sát hạch tiếp theo, với cùng một cơ quan quản lý sát hạch cấp giấy phép lái xe;

c) Thí sinh không đạt nội dung sát hạch lý thuyết thì không được sát hạch nội dung sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông; không đạt nội dung sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông thì không được sát hạch thực hành lái xe trong hình; không đạt nội dung sát hạch thực hành lái xe trong hình thì không được sát hạch nội dung sát hạch lái xe trên đường;

d) Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết, phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông, thực hành lái xe trong hình được bảo lưu kết quả nội dung sát hạch đạt trong thời gian 01 năm, kể từ ngày có nội dung sát hạch đạt tại kỳ sát hạch gần nhất; nếu muốn dự sát hạch phải đáp ứng điều kiện về độ tuổi, giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp còn giá trị sử dụng theo quy định và phải có tên trong biên bản xác nhận vắng, trượt của Hội đồng sát hạch hoặc Tổ sát hạch kỳ trước.

đ) Thí sinh mang điện thoại hoặc thiết bị truyền tin trong phòng sát hạch lý thuyết, trên xe sát hạch hoặc có các hành vi gian dối khác làm sai lệch kết quả sát hạch sẽ bị đình chỉ làm bài, hủy bỏ kết quả sát hạch.

3. Cơ quan quản lý sát hạch rà soát, tổng hợp kết quả, trình Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Giám đốc Sở Giao thông vận tải ra quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch kèm theo danh sách thí sinh trúng tuyển được cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 16a và Phụ lục 16b ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 28. Lưu trữ hồ sơ kết quả sát hạch

1. Sau mỗi kỳ sát hạch, Cơ quan quản lý sát hạch chịu trách nhiệm lưu trữ hồ sơ của kỳ sát hạch, bao gồm:

a) Danh sách học viên (báo cáo 1);

b) Danh sách thí sinh dự sát hạch (báo cáo 2);

c) Biên bản kiểm tra hồ sơ thí sinh;

d) Quyết định tổ chức kỳ sát hạch lái xe;

đ) Biên bản phân công nhiệm vụ của Hội đồng sát hạch lái xe;

e) Biên bản phân công nhiệm vụ của Tổ sát hạch lái xe;

g) Biên bản tổng hợp kết quả kỳ sát hạch;

h)[40] Danh sách thí sinh đạt, vắng, trượt các nội dung sát hạch;

i) Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch;

k) Danh sách thí sinh trúng tuyển được cấp giấy phép lái xe;

l) Các tài liệu khác có liên quan đến kỳ sát hạch.

2. Cơ sở đào tạo lưu trữ hồ sơ của kỳ sát hạch bao gồm:

a) Tài liệu tại các điểm a, b, c, d, g, h, i, k khoản 1 Điều này;

b)[41] Lưu trữ, bảo quản bài sát hạch lý thuyết, bài sát hạch lái xe trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông, biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình của từng kỳ sát hạch có đầy đủ chữ kỹ của người dự sát hạch và sát hạch viên;

---

[40] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[41] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

c) Lưu trữ, bảo quản biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường của từng kỳ sát hạch, gồm: chữ ký của người dự sát hạch tại phiếu in kết quả trên ô tô sát hạch và biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường có chữ ký của sát hạch viên.

d)[42] Lưu trữ, bảo quản bản sao các tài liệu quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 9 của Thông tư này đối với người trúng tuyển được cấp giấy phép lái xe.

3. Trung tâm sát hạch lưu trữ hồ sơ của kỳ sát hạch bao gồm:

a)[43] Các tài liệu quy định tại các điểm d, g và h khoản 1 Điều này;

b)[44] *(được bãi bỏ)*

c)[45] *(được bãi bỏ)*

d)[46] *(được bãi bỏ)*

đ)[47] Dữ liệu giám sát phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch lái xe trong hình; dữ liệu kết quả sát hạch lý thuyết, thực hành lái xe trong hình, phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông và sát hạch trên đường.

---

[42] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[43] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm d khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[44] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 31 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[45] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 31 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[46] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 31 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[47] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm đ khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

e)[48] Danh sách, kết quả sát hạch lái xe trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông.

4. Người dự sát hạch tự bảo quản hồ sơ lái xe.

5. Thời gian lưu trữ hồ sơ

a) Không thời hạn đối với các tài liệu quy định tại điểm i và điểm k khoản 1 Điều này;

b)[49] 05 năm đối với các tài liệu quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h khoản 1 Điều này;

c)[50] *(được bãi bỏ)*

d)[51] 02 năm đối với các tài liệu quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này, bài thi tốt nghiệp cuối khóa và các tài liệu còn lại;

Chương III
QUẢN LÝ SÁT HẠCH, CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

Điều 29. Cơ quan quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe

1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam chịu trách nhiệm quản lý về sát hạch, cấp giấy phép lái xe trong phạm vi cả nước; Vụ Quản lý phương tiện và Người lái là tổ

---

[48] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[49] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm g khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[50] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 31 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[51] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm h khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

chức tham mưu giúp Tổng Cục trưởng thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe (gọi là cơ quan quản lý sát hạch).

2. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng được giao nhiệm vụ quản lý về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe là tổ chức tham mưu giúp Giám đốc Sở thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe (gọi là cơ quan quản lý sát hạch).

Điều 30. Tổng cục Đường bộ Việt Nam

1.[52] *(được bãi bỏ)*

2.[53] Ban hành Bộ câu hỏi và phần mềm dùng cho sát hạch lý thuyết để cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ và hướng dẫn thực hiện thống nhất trong cả nước; xây dựng hệ thống biểu mẫu, sổ sách quản lý nghiệp vụ và các ấn chỉ chuyên ngành phục vụ quản lý công tác sát hạch, cấp giấy phép lái xe.

3. Kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ các trung tâm sát hạch lái xe, bảo đảm độ chính xác của các thiết bị chấm điểm tự động theo quy định, trường hợp cần thiết có thể tạm dừng để khắc phục; kiểm tra các kỳ sát hạch tại trung tâm sát hạch, xử lý hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xử lý các vi phạm theo quy định hiện hành.

4.[54] Nghiên cứu, xây dựng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông thực tế để hàng năm chuyển giao cho các trung tâm sát hạch cài đặt trên máy tính để sát hạch lái xe; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý công tác sát

---

[52] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 31 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[53] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 18 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[54] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 18 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

hạch, cấp giấy phép lái xe; thiết lập hệ thống mạng thông tin kết nối cơ quan quản lý sát hạch thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam với các trung tâm sát hạch, cơ quan quản lý sát hạch thuộc Sở Giao thông vận tải và các cơ sở đào tạo lái xe.

5. Chỉ đạo tổ chức thực hiện đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe trong phạm vi cả nước:

a) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về xây dựng trung tâm sát hạch lái xe;

b) Triển khai và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ để các Sở Giao thông vận tải thực hiện dịch vụ công về đổi giấy phép lái xe;

c) Chỉ đạo về nghiệp vụ, hướng dẫn và kiểm tra, giám sát hoạt động, kiểm chuẩn phương tiện, trang thiết bị, cơ sở vật chất của các trung tâm sát hạch lái xe theo quy định;

d) Hướng dẫn, kiểm tra về nghiệp vụ đối với Cơ quan quản lý sát hạch thuộc Sở Giao thông vận tải;

đ) Xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, chỉ đạo, tổ chức tập huấn, cấp thẻ sát hạch viên cho đội ngũ sát hạch viên trong cả nước và lưu trữ hồ sơ sát hạch viên theo quy định; trực tiếp quản lý đội ngũ sát hạch viên thuộc Cơ quan quản lý sát hạch thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

e) Tổ chức sát hạch, cấp giấy phép lái xe đối với học viên học tại các cơ sở đào tạo lái xe được Bộ Giao thông vận tải giao.

6. Tiếp nhận, xử lý thông tin đổi giấy phép lái xe do Sở Giao thông vận tải chuyển đến; tổ chức cấp, đổi giấy phép lái xe cho các đối tượng gồm:

a) Người lái xe thuộc các cơ quan Trung ương của Đảng, Nhà nước, đoàn thể và các tổ chức quốc tế, ngoại giao có trụ sở cơ quan tại Hà Nội;

b) Người lái xe do Tổng cục Đường bộ Việt Nam quản lý.

7. Cập nhật các vi phạm của người lái xe vào Hệ thống thông tin giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cung cấp.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến sát hạch, cấp giấy phép lái xe do Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam giao.

9. Công khai lịch, địa điểm tổ chức các kỳ sát hạch lái xe của tháng sau trước ngày 25 của tháng trước trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

Điều 31. Sở Giao thông vận tải

1.[55] *(được bãi bỏ)*

2. Tổ chức thực hiện các quy định của Bộ Giao thông vận tải và hướng dẫn của Tổng cục Đường bộ Việt Nam về nghiệp vụ sát hạch, cấp giấy phép lái xe.

3. Xây dựng kế hoạch về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và trực tiếp quản lý, lưu trữ hồ sơ của đội ngũ sát hạch viên.

4. Chỉ đạo xây dựng, quản lý hoạt động của trung tâm sát hạch thuộc địa phương.

5. Triển khai nối mạng thông tin với trung tâm sát hạch, các cơ sở đào tạo tại địa phương và với Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

6. Triển khai thực hiện dịch vụ công về đổi giấy phép lái xe.

7. Tổ chức các kỳ sát hạch đối với học viên học tại các cơ sở đào tạo lái xe do Sở Giao thông vận tải quản lý; trường hợp việc sát hạch được tổ chức tại trung tâm sát hạch không thuộc quyền quản lý trực tiếp thì lựa chọn để có kế hoạch tổ chức sát hạch phù hợp.

8. Tiếp nhận, xử lý thông tin đổi giấy phép lái xe, cấp lại giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng do Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải khác chuyển đến; tổ chức cấp mới, cấp lại giấy phép lái xe bị mất và đổi giấy phép lái xe cho người lái xe có nhu cầu.

9. Cập nhật các vi phạm của người lái xe vào Hệ thống thông tin giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cung cấp.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến sát hạch, cấp giấy phép lái xe do Giám đốc Sở Giao thông vận tải giao.

11. Công khai lịch, địa điểm tổ chức các kỳ sát hạch lái xe của tháng sau trước ngày 25 của tháng trước trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải.

---

[55] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 31 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

Điều 32. Mẫu giấy phép lái xe

1. Mẫu giấy phép lái xe thực hiện theo quy định tại Phụ lục 17 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Tổng cục Đường bộ Việt Nam thiết kế tính bảo mật, in, phát hành, hướng dẫn và quản lý việc sử dụng giấy phép lái xe trong phạm vi cả nước.

Điều 33. Sử dụng và quản lý giấy phép lái xe

1. Giấy phép lái xe bằng vật liệu PET. cấp cho mỗi người bảo đảm duy nhất có 01 số quản lý, dùng chung cho cả giấy phép lái xe không thời hạn và giấy phép lái xe có thời hạn.

2. Cá nhân nếu có nhu cầu tích hợp giấy phép lái xe, thì đăng ký vào đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này hoặc làm thủ tục đổi giấy phép lái xe theo quy định tại Điều 38 của Thông tư này.

3. Người đã có giấy phép lái xe tích hợp của giấy phép lái xe có thời hạn và không thời hạn, nếu có nhu cầu tách giấy phép lái xe thì làm thủ tục tách giấy phép lái xe theo quy định tại Điều 38 của Thông tư này.

4. Người có giấy phép lái xe chỉ được lái loại xe ghi trong giấy phép lái xe.

5. Khi đổi, cấp lại, cấp giấy phép lái xe nâng hạng, cơ quan cấp giấy phép lái xe cắt góc giấy phép lái xe cũ và giao cho người lái xe bảo quản.

6. Giấy phép lái xe phải được mang theo người khi lái xe.

7. Giấy phép lái xe bị tước quyền sử dụng hoặc thu hồi theo quy định của pháp luật.

8. Người có giấy phép lái xe hạng B1 muốn hành nghề lái xe và người có nhu cầu nâng hạng giấy phép lái xe phải dự khóa đào tạo và sát hạch để được cấp giấy phép lái xe mới.

9. Người có giấy phép lái xe hạng B1 số tự động không được lái loại xe ô tô số cơ khí (số sàn); nếu có nhu cầu lái xe ô tô số cơ khí, phải học bổ sung và sát hạch nội dung thực hành lái xe để được cấp giấy phép lái xe hạng B1.

10. Người nước ngoài hoặc người Việt Nam cư trú ở nước ngoài có nhu cầu lái xe ở Việt Nam thực hiện như sau:

a) Nếu có giấy phép lái xe quốc gia phải làm thủ tục đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam;

b) Trường hợp điều ước quốc tế về giấy phép lái xe mà Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

11. Người có giấy phép lái xe hạng FD, FE do ngành Giao thông vận tải cấp lần đầu trước ngày 01 tháng 7 năm 2009, nếu có nhu cầu điều khiển xe ô tô tải kéo rơ moóc hoặc xe ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc được đổi bổ sung hạng FC.

12. Giấy phép lái xe hạng A1, A2 do ngành Công an cấp trước ngày 01 tháng 8 năm 1995, bằng lái xe và giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp còn giá trị được tiếp tục sử dụng.

13.[56] Giấy phép lái xe bằng vật liệu PET. hợp lệ là giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền cấp, có số phôi, ngày cấp, ngày hết hạn in trên giấy phép lái xe trùng với số phôi, ngày cấp, ngày hết hạn trong hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe.

14.[57] Người tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe hoặc hồ sơ lái xe giả; sử dụng giấy phép lái xe đã khai báo mất để điều khiển phương tiện cơ giới đường bộ; có hành vi gian dối khác để được đổi, cấp lại, cấp mới giấy phép lái xe thì giấy phép lái xe đó không có giá trị sử dụng, ngoài việc bị cơ quan quản lý giấy phép lái xe ra quyết định thu hồi giấy phép lái xe, hồ sơ gốc và cập nhật dữ liệu quản lý trên hệ thống giấy phép lái xe còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép lái xe trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm, nếu có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.

---

[56] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 19 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[57] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 19 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

Điều 34. Xác minh giấy phép lái xe

1. Khi tiếp nhận danh sách đề nghị xác minh giấy phép lái xe đã cấp của cơ sở đào tạo và trước khi duyệt danh sách giấy phép lái xe được nâng hạng, đổi, cấp lại Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải phải tra cứu và in thông tin về giấy phép lái xe của người xin nâng hạng, đổi, cấp lại giấy phép lái xe từ hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe (bản xác minh giấy phép lái xe cơ giới đường bộ); trường hợp chưa có thông tin, phải có văn bản đề nghị cơ quan cấp xác minh giấy phép lái xe đã cấp; bản đề nghị xác minh giấy phép lái xe cơ giới đường bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục 18a ban hành kèm theo Thông tư này, bản xác minh giấy phép lái xe cơ giới đường bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục 18b ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thực hiện xác minh giấy phép lái xe

a) Việc xác minh giấy phép lái xe phải thực hiện ngay qua điện thoại hoặc thư điện tử hoặc fax và sau đó gửi bằng văn bản;

b) Khi chưa có kết quả xác minh giấy phép lái xe cơ giới đường bộ thì Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải không đổi, không cấp lại hoặc không đưa vào danh sách thí sinh được phép dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe.

3. Thời hạn xác minh

a) Kể từ khi nhận được danh sách đề nghị xác minh giấy phép lái xe hoặc hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 38 của Thông tư này, Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải có văn bản đề nghị xác minh giấy phép lái xe đã cấp;

b) Ngay khi nhận được yêu cầu xác minh, Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải phải trả lời xác minh giấy phép lái xe đã cấp.

Điều 35. Cấp mới giấy phép lái xe

1. Người đạt kết quả kỳ sát hạch được cấp giấy phép lái xe đúng hạng đã trúng tuyển; đối với trường hợp nâng hạng hoặc cấp lại do quá thời hạn sử dụng quy định tại khoản 1 Điều 36 của Thông tư này phải xuất trình bản chính giấy phép lái xe khi đến nhận giấy phép lái xe.

2. Căn cứ quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển.

Ngày trúng tuyển ghi tại mặt sau giấy phép lái xe là ngày ký quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch.

3. Thời gian cấp giấy phép lái xe chậm nhất không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch.

4.[58] Cá nhân đạt kết quả sát hạch có nhu cầu nhận giấy phép lái xe tại nhà, trong vòng 03 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch, thực hiện đăng ký qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải.

Điều 36. Cấp lại giấy phép lái xe

1. Người có giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng

a) Từ 03 tháng đến dưới 01 năm, kể từ ngày hết hạn, phải sát hạch lại lý thuyết để cấp lại giấy phép lái xe;

b) Từ 01 năm trở lên, kể từ ngày hết hạn, phải sát hạch lại cả lý thuyết và thực hành để cấp lại giấy phép lái xe.

Hồ sơ dự sát hạch lại thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 của Thông tư này.

2. Người có giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng, được xét cấp lại giấy phép lái xe.

Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này;

---

[58] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

b) Hồ sơ gốc phù hợp với giấy phép lái xe (nếu có);

c) Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp cấp lại giấy phép lái xe không thời hạn các hạng A1, A2, A3;

d) Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).

Khi đến thực hiện thủ tục cấp lại giấy phép lái xe tại Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải, người lái xe gửi 01 bộ hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu. Sau thời gian 02 tháng kể từ ngày nộp đủ hồ sơ, chụp ảnh và nộp lệ phí theo quy định, nếu không phát hiện giấy phép lái xe đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý; có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, thì được cấp lại giấy phép lái xe.

3. Người có giấy phép lái xe bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng trở lên, có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, không thuộc trường hợp đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý, sau 02 tháng kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, phải dự sát hạch lại các nội dung:

a) Quá hạn sử dụng từ 03 tháng đến dưới 01 năm, phải dự sát hạch lại lý thuyết;

b) Quá hạn sử dụng từ 01 năm trở lên, phải sát hạch lại cả lý thuyết và thực hành.

Hồ sơ dự sát hạch lại thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 19 của Thông tư này.

4. Cơ quan cấp lại giấy phép lái xe cho các trường hợp bị mất phải gửi thông báo hủy giấy phép lái xe cũ tới các cơ quan liên quan.

5. Ngày trúng tuyển ghi tại mặt sau giấy phép lái xe cấp lại (phục hồi), được tính theo ngày trúng tuyển của giấy phép lái xe cũ.

6. Thời gian cấp lại giấy phép lái xe thực hiện như đối với cấp mới.

7. Người dự sát hạch lại có nhu cầu ôn tập, đăng ký với các cơ sở đào tạo lái xe để được hướng dẫn ôn tập, phải nộp phí ôn tập theo quy định, không phải học lại theo chương trình đào tạo.

8. Người có giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng, nhưng không còn hồ sơ gốc, có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, nếu có nhu cầu được lập lại hồ sơ gốc.

Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp tại Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải (nơi đã cấp giấy phép lái xe). Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn.

Cơ quan cấp giấy phép lái xe kiểm tra, xác nhận và đóng dấu, ghi rõ: số, hạng giấy phép lái xe được cấp, ngày sát hạch (nếu có), tên cơ sở đào tạo (nếu có) vào góc trên bên phải đơn đề nghị và trả cho người lái xe tự bảo quản để thay hồ sơ gốc.

Điều 37. Đổi giấy phép lái xe

1. Việc đổi giấy phép lái xe bằng giấy bìa sang giấy phép lái xe bằng vật liệu PET. được khuyến khích thực hiện trước ngày 31/12/2020.

2. Người có giấy phép lái xe có thời hạn thực hiện việc đổi giấy phép lái xe trước khi hết thời hạn sử dụng; người có giấy phép lái xe bị hỏng còn thời hạn sử dụng được đổi giấy phép lái xe.

3. Người có giấy phép lái xe hạng E đủ 55 tuổi đối với nam và 50 tuổi đối với nữ, có nhu cầu tiếp tục lái xe, nếu đủ sức khoẻ theo quy định, được xét đổi giấy phép lái xe từ hạng D trở xuống.

4. Trường hợp năm sinh, họ, tên, tên đệm ghi trên giấy phép lái xe có sai lệch với giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân thì cơ quan quản lý giấy phép lái xe làm thủ tục đổi giấy phép lái xe mới phù hợp với thông tin ghi trong giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân.

5. Đối tượng được đổi giấy phép lái xe:

a) Người Việt Nam, người nước ngoài được đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe tại Việt Nam;

b) Người có giấy phép lái xe của ngành giao thông vận tải cấp bị hỏng;

c) Người Việt Nam, người nước ngoài định cư lâu dài ở Việt Nam đã có giấy phép lái xe Việt Nam đổi từ giấy phép lái xe nước ngoài, khi hết hạn nếu có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe;

d) Người có giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng khi thôi phục vụ trong quân đội (phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành, nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động trong các doanh nghiệp quốc phòng…), nếu có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe;

đ)[59] Người có giấy phép lái xe do ngành Công an cấp sau ngày 31 tháng 7 năm 1995, còn thời hạn sử dụng, khi thôi không tiếp tục phục vụ trong ngành Công an (xuất ngũ, chuyển ngành, nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động trong Công an nhân dân), nếu có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe;

e) Người có giấy phép lái xe mô tô của ngành Công an cấp trước ngày 01 tháng 8 năm 1995 bị hỏng có nhu cầu đổi, có tên trong sổ lưu được xét đổi giấy phép lái xe mới;

g) Người nước ngoài cư trú, làm việc, học tập tại Việt Nam, có giấy chứng minh thư ngoại giao, giấy chứng minh thư công vụ, thẻ tạm trú, thẻ cư trú, thẻ lưu trú, thẻ thường trú với thời gian từ 03 tháng trở lên, có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng, nếu có nhu cầu lái xe ở Việt Nam được xét đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam;

h) Khách du lịch nước ngoài lái xe đăng ký nước ngoài vào Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng, nếu có nhu cầu lái xe ở Việt Nam được xét đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam;

i) Người Việt Nam (mang quốc tịch Việt Nam) trong thời gian cư trú, học tập, làm việc ở nước ngoài được nước ngoài cấp giấy phép lái xe quốc gia, còn thời hạn sử dụng, nếu có nhu cầu lái xe ở Việt Nam được xét đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam.

---

[59] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 2 của Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

6. Không đổi giấy phép lái xe đối với các trường hợp sau:

a) Giấy phép lái xe tạm thời của nước ngoài; giấy phép lái xe quốc tế; giấy phép lái xe của nước ngoài, quân sự, công an quá thời hạn sử dụng theo quy định, bị tẩy xóa, rách nát không còn đủ các yếu tố cần thiết để đổi giấy phép lái xe hoặc có sự khác biệt về nhận dạng; giấy phép lái xe nước ngoài không do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Giấy phép lái xe của ngành Giao thông vận tải nhưng không có trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe, bảng kê danh sách cấp giấp phép lái xe (sổ quản lý);

c)[60] *(được bãi bỏ)*

d) Người không đủ tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định.

đ)[61] Người Việt Nam có giấy phép lái xe nước ngoài có thời gian lưu trú tại nước ngoài dưới 03 tháng và thời hạn lưu trú không phù hợp với thời gian đào tạo lái xe của nước cấp giấy phép lái xe.

7. Thời hạn sử dụng và hạng xe được phép điều khiển:

a) Thời hạn sử dụng giấy phép lái xe Việt Nam đổi cho người nước ngoài phù hợp với thời hạn ghi trong thị thực nhập cảnh hoặc thẻ tạm trú, phù hợp với thời hạn sử dụng giấy phép lái xe nước ngoài nhưng không vượt quá thời hạn quy định của giấy phép lái xe Việt Nam;

b) Thời hạn sử dụng giấy phép lái xe Việt Nam đổi cho khách du lịch nước ngoài lái xe đăng ký nước ngoài vào Việt Nam phù hợp với thời gian du lịch ở Việt Nam (từ khi nhập cảnh đến khi xuất cảnh) nhưng không vượt quá thời hạn quy định của giấy phép lái xe Việt Nam.

---

[60] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[61] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 20 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

Đối với khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam chưa có điều kiện xuất trình hộ chiếu và giấy phép lái xe nước ngoài, khi đổi giấy phép lái xe có thể căn cứ vào danh sách xuất nhập cảnh của Bộ Công an và bản dịch giấy phép lái xe (kèm theo bản sao giấy phép lái xe nước ngoài), làm sẵn giấy phép lái xe cho số người đăng ký. Giấy phép lái xe chỉ được cấp cho những người thực sự vào Việt Nam sau khi đối chiếu giấy phép lái xe nước ngoài và hộ chiếu;

c) Giấy phép lái xe quốc gia cấp cho người đổi được điều khiển nhiều hạng xe khác nhau được đổi sang giấy phép lái xe để điều khiển các hạng xe tương ứng của Việt Nam;

d)[62] Giấy phép lái xe quân sự có hiệu lực được phép lái nhiều hạng xe khác nhau được đổi sang giấy phép lái xe ngành Giao thông vận tải có hiệu lực lái các hạng xe tương ứng; giấy phép lái xe quân sự hạng Fx được đổi sang giấy phép lái xe hạng C do ngành Giao thông vận tải cấp.

8.[63] Trình tự thực hiện đổi giấy phép lái xe:

a) Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải kiểm tra hồ sơ khi tiếp nhận; trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định, phải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

b) Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định; khi nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe thông qua chức năng thanh toán của hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân;

---

[62] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 20 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[63] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 2 của Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải thực hiện việc đổi giấy phép lái xe; trường hợp không đổi giấy phép lái xe thì phải trả lời và nêu rõ lý do;

d) Khi đổi giấy phép lái xe, cơ quan cấp giấy phép lái xe lưu trữ hồ sơ đổi giấy phép lái xe (bản chính đối với đổi giấy phép lái xe của ngành Giao thông vận tải; bản sao đối với đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài, đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp, đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp) trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp giấy phép lái xe; cắt góc giấy phép lái xe cũ (trừ giấy phép lái xe do nước ngoài cấp), giao cho người lái xe bảo quản (trừ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).

Điều 38. Thủ tục đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp[64]

1. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp, gồm:

a) Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ các đối tượng sau:

Người có giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;

Người có nhu cầu tách giấy phép lái xe có thời hạn và không thời hạn;

c) Bản sao giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).

2. Cá nhân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải.

---

[64] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

3. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên để đối chiếu, trừ các giấy tờ quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, cá nhân kê khai theo hướng dẫn và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai; khi nhận giấy phép lái xe, phải nộp lại giấy phép lái xe cũ để lưu hồ sơ.

5. Việc trả giấy phép lái xe được thực hiện tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo yêu cầu của cá nhân; trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, giấy phép lái xe được trả cho đúng cá nhân đổi giấy phép lái xe.

Điều 39. Thủ tục đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp

Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp tại Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

1. Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này.

2.[65] Bản sao Quyết định thôi phục vụ trong Quân đội do Thủ trưởng cấp Trung đoàn trở lên ký. Đối với lao động hợp đồng trong các doanh nghiệp quốc phòng: Bản sao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, thời hạn không quá 06 tháng tính từ ngày cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quốc phòng ký.

3. Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3.

4.[66] Bản sao giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy

---

[65] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 2 của Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[66] Đoạn đầu của khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Cục Xe - Máy thuộc Bộ Quốc phòng xác minh.

Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu.

Hồ sơ đổi giấy phép lái xe quân sự là hồ sơ gốc gồm các tài liệu ghi ở khoản 1 và khoản 2 Điều này và giấy phép lái xe quân sự đã được cắt góc, giao cho người lái xe tự bảo quản.

Điều 40. Thủ tục đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp

1. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe mô tô do ngành Công an cấp trước ngày 01 tháng 8 năm 1995:

Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này;

b)[67] Bản sao giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Cục Cảnh sát giao thông thuộc Bộ Công an hoặc Sở Giao thông vận tải quản lý giấy phép lái xe xác minh;

c) Hồ sơ gốc (nếu có);

Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu.

---

[67] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 22 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

2. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp từ ngày 01 tháng 8 năm 1995:

Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp tại Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này;

b)[68] Bản sao Quyết định ra khỏi ngành hoặc nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền hoặc bản sao Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thôi không tiếp tục phục vụ trong lực lượng Công an xã hoặc bản sao Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động và quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên của các đơn vị trong Công an nhân dân;

c) Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;

d)[69] Bản sao giấy phép lái xe của ngành Công an cấp còn thời hạn sử dụng, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Cục Cảnh sát giao thông thuộc Bộ Công an xác minh.

Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu.

Hồ sơ đổi giấy phép lái xe Công an là hồ sơ gốc, gồm tài liệu ghi ở điểm a và điểm b khoản 2 Điều này và giấy phép lái xe công an đã được cắt góc, giao cho người lái xe tự bảo quản.

---

[68] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 2 của Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[69] Đoạn đầu của khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 22 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

3.[70] Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp cho học viên hệ dân sự các trường Công an nhân dân trước ngày 31 tháng 7 năm 2020:

Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp tại Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Giấy tờ quy định tại các điểm a, c và d khoản 2 Điều này;

b) Bản sao Quyết định công nhận tốt nghiệp của các Trường, Học viện trong Công an nhân dân;

c) Hồ sơ gốc do ngành Công an cấp, gồm: Đơn đề nghị sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe có xác nhận của thủ trưởng đơn vị nơi công tác; Giấy Chứng nhận sức khỏe của người lái xe; Chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe; Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe.

Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên để đối chiếu, trừ các giấy tờ quy định tại điểm a, điểm c khoản 2 Điều này.

Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp là hồ sơ gốc, gồm tài liệu ghi ở điểm a và điểm b khoản 3 Điều này và giấy phép lái xe do ngành Công an cấp đã được cắt góc, giao cho người lái xe tự bảo quản.

Điều 41. Thủ tục đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài

1. Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp tại Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải (nơi đăng ký cư trú, lưu trú, tạm trú hoặc định cư lâu dài). Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (đối với người Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này, đối với người nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục 20 ban hành kèm theo Thông tư này);

---

[70] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 2 của Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

b)[71] Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; đối với người Việt Nam xuất trình hợp pháp hóa lãnh sự giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự, trừ các trường hợp được miễn trừ theo quy định của pháp luật;

c) Bản sao hộ chiếu (phần số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam), giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh thư ngoại giao hoặc công vụ do Bộ Ngoại giao Việt Nam cấp hoặc bản sao thẻ cư trú, thẻ lưu trú, thẻ tạm trú, thẻ thường trú, giấy tờ xác minh định cư lâu dài tại Việt Nam đối với người nước ngoài; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Bộ Ngoại giao, Cục Quản lý Xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an, Phòng Quản lý xuất nhập Cảnh thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác minh.

Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu.

2. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do cơ quan đổi giấy phép lái xe giao cho người lái xe quản lý là hồ sơ gốc, gồm các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này và giấy phép lái xe nước ngoài.

3. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe của người nước ngoài không định cư lâu dài tại Việt Nam do cơ quan đổi giấy phép lái xe lưu trữ 01 năm, gồm các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 42. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam

1.[72] Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính. Hồ sơ bao gồm:

---

[71] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 23 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[72] Đoạn đầu của khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 24 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

a) Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 20 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Đại sứ quán, Lãnh sự quán của quốc gia cấp giấy phép lái xe tại Việt Nam xác minh;

c) Bản sao có chứng thực danh sách xuất nhập cảnh của Bộ Công an hoặc bản sao hộ chiếu gồm phần số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam;

d) 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền ảnh màu xanh, kiểu chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân.

Khi đến nhận giấy phép lái xe, người lái xe xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu.

2. Cơ quan quản lý cấp giấy phép lái xe phải ghi vào hồ sơ quản lý là giấy phép lái xe đổi 01 (một) lần.

Phần IV
ĐÀO TẠO, SÁT HẠCH ĐỐI VỚI MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP ĐẶC THÙ

Điều 43. Đào tạo lái xe[73]

1. Đào tạo đối với người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật để cấp giấy phép lái xe hạng A1

a) Người học phải có đủ điều kiện, hồ sơ theo quy định tại Điều 7, Điều 9 của Thông tư này, phải đăng ký học tại cơ sở đào tạo được phép đào tạo, được tự học

[73] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 25 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

lý thuyết và thực hành; trường hợp có nhu cầu học tập trung đăng ký với cơ sở đào tạo để được học theo nội dung, chương trình quy định;

b) Xe dùng để dạy lái: Là xe mô tô ba bánh của người khuyết tật đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số.

2. Đào tạo để cấp giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cho người khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái:

a) Người học phải có đủ điều kiện, hồ sơ theo quy định tại Điều 7, Điều 9 của Thông tư này, phải đăng ký học tại cơ sở đào tạo được phép đào tạo, phải học đủ thời gian, nội dung chương trình đào tạo theo quy định, được tự học các môn lý thuyết, nhưng phải được kiểm tra, cấp chứng chỉ đào tạo, được thay nội dung học lái xe trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông bằng nội dung học trên xe tập lái;

b) Xe dùng để dạy lái: Là xe ô tô hạng B1 số tự động của người khuyết tật hoặc cơ sở đào tạo; xe phải có kết cấu phù hợp để các tay và chân còn lại của người khuyết tật vừa giữ được vô lăng lái, vừa dễ dàng điều khiển cần gạt tín hiệu báo rẽ, đèn chiếu sáng, cần gạt mưa, cần số, cần phanh tay, bàn đạp phanh chân, bàn đạp ga trong mọi tình huống khi lái xe theo đúng chức năng thiết kế của nhà sản xuất ô tô, được Cục Đăng kiểm Việt Nam xác nhận hệ thống điều khiển của xe phù hợp để người khuyết tật lái xe an toàn và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái.

3. Đào tạo để cấp giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cho người khuyết tật trừ người khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái:

a) Người học phải có đủ điều kiện, hồ sơ theo quy định tại Điều 7, Điều 9 của Thông tư này, phải đăng ký học tại cơ sở đào tạo được phép đào tạo, phải học đủ thời gian, nội dung chương trình đào tạo theo quy định, được tự học các môn lý thuyết, nhưng phải được kiểm tra, cấp chứng chỉ đào tạo;

b) Xe dùng để dạy lái: Xe ô tô tập lái hạng B1 số tự động của cơ sở đào tạo.

4. Đào tạo lái xe mô tô hạng A1, hạng A4 đối với đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt: Sở Giao thông vận tải xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành hình thức đào tạo phù hợp điều kiện thực tế của địa phương.

Điều 44. Sát hạch lái xe[74]

1. Sát hạch để cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1 cho người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật

a) Người dự sát hạch, thực hiện sát hạch lái xe trong hình theo nội dung và quy trình sát hạch tại trung tâm sát hạch hoặc sân sát hạch có đủ điều kiện, có hai sát hạch viên chấm điểm trực tiếp; thực hiện sát hạch lý thuyết theo quy định sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng A1;

b) Xe dùng để sát hạch: Sử dụng xe mô tô ba bánh của người khuyết tật đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số;

c) Hình sát hạch dựng theo quy định tại điểm 2.2.1.10 mục 2.2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40:2015/BGTVT về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ ban hành kèm theo Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2. Sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cho người khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái

a) Người dự sát hạch phải có đủ hồ sơ, thực hiện đủ nội dung và quy trình sát hạch theo quy định tại trung tâm sát hạch có đủ điều kiện, có hai sát hạch viên ngồi trên xe chấm điểm trực tiếp nội dung sát hạch lái xe trong hình và trên đường;

b) Xe dùng để sát hạch: Sử dụng ô tô hạng B1 số tự động của người khuyết tật hoặc của trung tâm sát hạch; xe phải có kết cấu phù hợp để các tay và chân còn lại của người khuyết tật vừa giữ được vô lăng lái, vừa dễ dàng điều khiển cần gạt tín hiệu báo rẽ, đèn chiếu sáng, cần gạt mưa, cần số, cần phanh tay, bàn đạp phanh chân, bàn đạp ga trong mọi tình huống khi lái xe theo đúng chức năng thiết kế của nhà sản xuất ô tô, được Cục Đăng kiểm Việt Nam xác nhận hệ thống điều khiển của xe phù hợp để người khuyết tật lái xe an toàn và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái.

---

[74] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 26 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

3. Sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cho người khuyết tật trừ người khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái

a) Người dự sát hạch phải có đủ hồ sơ, thực hiện đủ nội dung và quy trình sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng B1 số tự động tại trung tâm sát hạch có đủ điều kiện;

b) Xe dùng để sát hạch: Sử dụng xe sát hạch hạng B1 số tự động có đủ điều kiện của trung tâm sát hạch làm xe sát hạch lái xe trong hình và trên đường.

4. Sát hạch để cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1, hạng A4 cho đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt do Sở Giao thông vận tải căn cứ nội dung và quy trình sát hạch đã được ban hành, xây dựng nội dung và phương án tổ chức sát hạch phù hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

Phần V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 45. Báo cáo về công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe[75]

1. Sở Giao thông vận tải gửi báo cáo định kỳ kết quả các kỳ sát hạch về Tổng cục Đường bộ Việt Nam, quy định như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo kết quả các kỳ sát hạch lái xe;

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Báo cáo số liệu kết quả các kỳ sát hạch lái xe gồm: Số thí sinh dự sát hạch, số thí sinh vắng, số thí sinh đạt kết quả sát hạch, tỷ lệ phần trăm đạt kết quả sát hạch;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: qua hệ thống thông tin giấy phép lái xe;

d) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 20 hàng tháng;

đ) Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ hàng tháng;

---

[75] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 11 Điều 2 của Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo;

g) Mẫu biểu số liệu báo cáo: Theo Phụ lục 26 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Sở Giao thông vận tải gửi báo cáo công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ về Tổng cục Đường bộ Việt Nam, gồm:

a) Tên báo cáo: Báo cáo công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

b) Nội dung yêu cầu báo cáo:

Báo cáo về công tác đào tạo lái xe, gồm: Số lượng cơ sở đào tạo lái xe quản lý, công tác cấp giấy phép xe tập lái, cấp giấy phép đào tạo lái xe, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, công tác quản lý đào tạo lái xe.

Báo cáo về công tác sát hạch, cấp giấy phép lái xe, gồm: Số lượng trung tâm sát hạch lái xe quản lý, công tác quản lý sát hạch lái xe, số lượng cấp giấy phép lái xe;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc phương thức điện tử được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định;

d) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 20 tháng 6 hàng năm đối với báo cáo định kỳ 6 tháng đầu năm; trước ngày 20 tháng 12 hàng năm đối với báo cáo định kỳ tổng kết năm;

đ) Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và Báo cáo định kỳ hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo:

Đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo.

Đối với báo cáo định kỳ tổng kết năm: Từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 năm báo cáo;

g) Mẫu biểu số liệu báo cáo: Theo Phụ lục 27 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 46. Kiểm tra, thanh tra

1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam thực hiện kiểm tra, thanh tra công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe trong phạm vi cả nước.

2. Sở Giao thông vận tải thực hiện kiểm tra, thanh tra, giám sát công tác đào tạo, sát hạch lái xe đối với các cơ sở đào tạo, trung tâm sát hạch do Sở Giao thông vận tải quản lý.

3. Việc kiểm tra, thanh tra công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Điều khoản chuyển tiếp[76]

1. Giấy phép đào tạo lái xe A1, A2, A3, A4 đã cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực, có giá trị theo thời hạn ghi trên giấy phép; khi giấy phép hết hạn cơ sở đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3, A4 thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 của Thông tư này.

2. Cơ sở đào tạo sử dụng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông để đào tạo lái xe ô tô từ ngày 31 tháng 12 năm 2021; trang bị và sử dụng thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học lái xe trên đường của học viên để đào tạo lái xe ô tô từ ngày 01 tháng 01 năm 2022; trang bị và sử dụng ca bin học lái xe ô tô để đào tạo lái xe ô tô từ ngày 01 tháng 7 năm 2022. Trong thời gian chưa sử dụng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông và ca bin học lái xe ô tô, cơ sở đào tạo lái xe xây dựng chương trình, giáo trình và tổ chức giảng dạy đảm bảo đủ thời gian đào tạo theo chương trình quy định tại Điều 13, Điều 14 của Thông tư này, cụ thể như sau:

a) Số giờ học kỹ thuật lái xe của học viên học lái xe hạng B1, B2, C bao gồm cả thời gian học phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông;

b) Số giờ học môn đạo đức và văn hóa giao thông của học viên học lái xe nâng hạng bao gồm cả thời gian học phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông;

---

[76] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 12 Điều 2 của Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

c) Số giờ học thực hành lái xe trên 01 xe tập lái, gồm cả thời gian học lái xe trên ca bin học lái xe ô tô.

3. Giấy phép lái xe được cấp theo mẫu quy định tại Phụ lục 17 ban hành kèm theo Thông tư này có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe. Giấy phép lái xe được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực vẫn có giá trị sử dụng theo thời hạn ghi trên giấy phép lái xe.

4. Trung tâm sát hạch lái xe sử dụng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông để sát hạch lái xe từ ngày 01 tháng 6 năm 2022.

Điều 48. Hiệu lực, trách nhiệm thi hành[77]

---

[77] Điều 2 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019 quy định như sau:

"Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

Điều 3 của Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021 quy định như sau:

"Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

2. Bãi bỏ các quy định:

a) Điểm c khoản 2 Điều 7 Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế;

b) Điểm c khoản 6 Điều 37 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

c) Điểm a khoản 3, khoản 6, điểm a khoản 12, điểm c khoản 20, khoản 27, khoản 28, khoản 29 và điểm đ khoản 30 Điều 1 Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2017, thay thế Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

2. Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 12/VBHN-BGTVT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thể

---

3. Đối với người có hợp đồng lao động trong Công an nhân dân từ 12 tháng trở lên, học viên hệ dân sự các trường Công an nhân dân và Công an xã có giấy phép lái xe do ngành Công an cấp, trong trường hợp không tiếp tục phục vụ trong ngành Công an mà giấy phép lái xe do ngành Công an cấp đã hết hạn sử dụng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa quá 07 tháng (kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành), nếu có nhu cầu được xét cấp giấy phép lái xe, thực hiện theo các quy định tại: khoản 1 Điều 36, khoản 2, khoản 3 Điều 40 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ và quy định tại khoản 9, khoản 10 Điều 2 Thông tư này. Thời gian thực hiện đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2021.

4. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và Sở Giao thông vận tải - Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”

Phụ lục 1a

MẪU PHÙ HIỆU GIÁO VIÊN DẠY LÁI XE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHÙ HIỆU GIÁO VIÊN DẠY LÁI XE

<table>
<tr><td colspan="2">TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN
TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO</td></tr>
<tr><td>Ảnh màu
3 cm x 4 cm
(có dấu giáp lai)</td><td>GIÁO VIÊN DẠY LÁI XE
NGUYỄN VĂN A

Dạy lái xe hạng:</td></tr>
</table>

Quy cách:

- Kích thước: 50 mm x 85 mm;

- Được in trên giấy trắng chất lượng tốt, ép plastic kẹp trong mica đeo ở phía ngực trái hoặc ở cổ;

- Phía trên ghi tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và tên cơ sở đào tạo - phông chữ Times New Roman in hoa, cỡ chữ 10;

- Phía dưới bên trái là ảnh màu 3 cm x 4 cm (có đóng dấu giáp lai của cơ sở đào tạo);

- Phía dưới bên phải ghi:

+ Dòng chữ GIÁO VIÊN DẠY LÁI XE - phông chữ Times New Roman in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 13;

+ Họ tên giáo viên - phông chữ Times New Roman in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 14;

+ Hạng giấy phép lái xe dạy lái - phông chữ Times New Roman in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 14.

Phụ lục 1b

MẪU PHÙ HIỆU HỌC VIÊN TẬP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHÙ HIỆU HỌC VIÊN TẬP LÁI XE

<table>
<tr><td colspan="2">TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN
TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO</td></tr>
<tr><td>Ảnh màu
3 cm x 4 cm
(chụp không quá 06 tháng), có dấu giáp lai</td><td>HỌC VIÊN TẬP LÁI XE
NGUYỄN VĂN B

Tập lái xe hạng: B2</td></tr>
</table>

Quy cách:

- Kích thước: 50 mm x 85 mm;

- Được in trên giấy trắng chất lượng tốt, ép plastic kẹp trong mica đeo ở phía ngực trái hoặc ở cổ;

- Phía trên ghi tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và tên cơ sở đào tạo - phông chữ Times New Roman, in hoa, đứng, cỡ chữ 10;

- Phía dưới bên trái là ảnh màu 3 cm x 4 cm (có đóng dấu giáp lai của cơ sở đào tạo);

- Phía dưới bên phải ghi:

+ Dòng HỌC VIÊN TẬP LÁI XE - phông chữ Times New Roman, in hoa đứng, đậm, cỡ chữ 13;

+ Họ tên học viên - phông chữ Times New Roman, in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 14;

+ Hạng giấy phép lái xe học lái - phông chữ Times New Roman, in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 14.

Phụ lục 2

MẪU BÁO CÁO ĐĂNG KÝ SÁT HẠCH
CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE MÔ TÔ HẠNG A1, A2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ SỞ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../	*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*

BÁO CÁO ĐĂNG KÝ SÁT HẠCH
CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE MÔ TÔ CÁC HẠNG A1, A2

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Thực hiện Giấy phép đào tạo lái xe số..... ngày...../...../..... do Sở Giao thông vận tải cấp, Trường (Trung tâm)..... đã tổ chức khóa đào tạo để sát hạch cấp giấy phép lái xe mô tô hạng....., với danh sách học viên kèm theo.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải..... chấp thuận và tổ chức sát hạch, cấp giấy phép lái xe cho các học viên hoàn thành khóa đào tạo.

DANH SÁCH HỌC VIÊN

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi cư trú	Hạng giấy phép lái xe	Ngày khai giảng	Ngày bế giảng	Ngày sát hạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Xếp tên theo vần A, B, C							

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 3a
MẪU BÁO CÁO ĐĂNG KÝ SÁT HẠCH LÁI XE
(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ SỞ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../	*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*

BÁO CÁO ĐĂNG KÝ SÁT HẠCH LÁI XE

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Thực hiện Giấy phép đào tạo lái xe số:..... ngày...../...../..... do Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải.....) cấp, Trường (Trung tâm)..... đã tổ chức xét tuyển học viên và khai giảng các lớp như sau:

Số TT	Khóa - Lớp	Hạng giấy phép lái xe	Số lượng học viên	Ngày khai giảng	Ngày bế giảng	Ngày đăng ký sát hạch	Ghi chú
1	Hệ đào tạo mới						
2							
3							
4	Hệ đào tạo nâng hạng						

(có danh sách học viên các khóa học kèm theo)

Trường (Trung tâm)..... đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải)..... chấp nhận kế hoạch sát hạch cho học viên các lớp như lịch đề nghị.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: ……	**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO** *(Ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục 3b

MẪU DANH SÁCH HỌC VIÊN (BÁO CÁO 1)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Số:...../

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

DANH SÁCH HỌC VIÊN

Học lái xe hạng:..... Khóa:.....

(Mỗi hạng lập 1 danh sách riêng)

BÁO CÁO 1

Thời gian đào tạo:..... tháng

Khai giảng ngày..... tháng..... năm 20.....

Bế giảng ngày..... tháng..... năm 20.....

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số giấy chứng minh nhân dân	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Thâm niên lái xe		Ghi chú
							Số năm lái xe	Số km lái xe an toàn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Tên xếp theo vần A, B, C...								

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 3c

MẪU DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE ĐÃ CẤP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE ĐÃ CẤP

Học lái xe hạng:..... Khóa:.....

(Mỗi hạng lập 1 danh sách riêng)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số giấy chứng minh nhân dân (hộ chiếu)	Nơi thường trú	Nơi cư trú	Đã có giấy phép lái xe			
						Hạng	Số	Ngày tháng năm cấp	Cơ quan cấp
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
	Tên xếp theo vần A, B, C...								

……., ngày..... tháng..... năm 20.....

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 4

MẪU KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ SỞ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Khóa:..... Hạng:.....

Thời gian đào tạo:..... tháng (từ ngày...../...../..... đến ngày...../...../.....)

I. Phân phối giờ học

STT	Môn học	Tổng số (giờ)	Lý thuyết (giờ)		Thực hành trong hình (giờ)	Thực hành trên đường (giờ)	Kiểm tra cuối khóa (giờ)	Ghi chú
			LT	TH				

II. Lịch học toàn khóa

Tháng / Tuần / Từ ngày / đến / Phân giai đoạn	10				11				12				....			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	...
Lý thuyết																
Thực hành trong hình																
Thực hành trên đường																
Thi, kiểm tra																
Dự phòng																

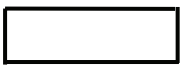
Lý thuyết

Thực hành

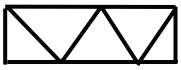
Thi, kiểm tra

Nghỉ

Dự phòng

III. Danh sách giáo viên, xe tập lái tham gia đào tạo

1. Danh sách giáo viên dạy lý thuyết

.....

.....

.....

2. Thực hành lái xe

Số TT	Số đăng ký xe	Giáo viên	Số học viên phân theo xe	Ghi chú

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 5
MẪU TIẾN ĐỘ ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ CÁC HẠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

TIẾN ĐỘ ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ CÁC HẠNG

Số TT	Khóa - lớp	Giáo viên dạy	Số lượng học sinh	1 - 2018				2 - 2018				3 - 2018				…					Số học sinh tốt nghiệp	Ghi chú
				1	*2*	*3*	*4*	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	*51*	*52*		
				3 8	10 15	17 22	24 29	31/1 5/2	7 12	14 19	21 26	28 3/3										
	Ví dụ																					
	Khóa 16																					
1	- 16B_1 xe con	Vũ Văn A	80	T	T																	
2	- 16B_2 xe con		100	Đ	Đ																	
3	- 16C xe tải		120	Đ	Đ	Đ	Đ															
	Khóa 17																					
4	- 17B_2 xe con		120	H	H	T	T	T	T	T	Đ	Đ	Đ	Đ								
5	- 17C xe tải		100	H	H	H	H	H	T	T	T	T	Đ	Đ								
	Khóa 17: Nâng hạng																					
6	- 16B_2 lên C		20	H	T	Đ	Đ															
7	- 17C lên E		30	H	H	T	T	T	Đ	Đ	Đ											

Ghi chú: theo hàng ngang biết được độ dài thời gian đào tạo từng lớp/khóa, cộng số học sinh theo cột dọc có tổng số học sinh hiện có (lưu lượng đào tạo).

Ký hiệu:
- H: Học lý thuyết (nếu tô màu thì tô ô xanh).
- T: Tập lái xe trong hình (nếu tô màu thì tô ô vàng).
- Đ: Tập lái xe trên đường (nếu tô màu thì tô ô vàng).
- •: Thi tốt nghiệp (nếu tô màu thì tô ô đỏ).

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

NGƯỜI LẬP
(Ký và ghi rõ họ, tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 6

MẪU SỔ THEO DÕI THỰC HÀNH LÁI XE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

SỔ THEO DÕI THỰC HÀNH LÁI XE

Họ và tên giáo viên:.....
Biển số xe tập lái:.....
Khóa:.....

Khóa:..... Hạng xe.....
Từ ngày:..... đến ngày.....

DANH SÁCH HỌC VIÊN

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi cư trú	Số km thực hành	Điểm thi kiểm tra cuối khóa	Học viên ký tên

Ngày tháng	Nội dung bài giảng	Địa điểm	Số giờ học thực hành	Số km thực hành	Họ tên học viên vắng mặt		Số nhiên liệu sử dụng	Chữ ký	
					Có lý do	Không có lý do		Giáo viên	Trưởng ban nghề

Nhận xét của giáo viên

(về kiến thức, kỹ năng, thái độ, nội dung khác)

Phụ lục 7[78]

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh màu 3 cm x 4 cm chụp không quá 06 tháng

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi:.....

Tôi là:..... Quốc tịch.....
Sinh ngày:...../...../..... Nam, Nữ:.....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....
Nơi cư trú: .....
Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):....., cấp ngày:...../...../....., nơi cấp:.....
Đã có giấy phép lái xe số:..... hạng..... do:..... cấp ngày:..... /...../.....
Đề nghị cho tôi được học, dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng:.....
Đăng ký tích hợp giấy phép lái xe ☐
Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có ☐ không ☐
Xin gửi kèm theo:
- 01 giấy chứng nhận đủ sức khỏe;
- 02 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm, chụp không quá 06 tháng;
- Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu (đối với người nước ngoài);
- Các tài liệu khác có liên quan gồm:

.....

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày..... tháng..... năm 20.....
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

---

[78] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 13 Điều 2 của Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 03 năm 2021.

Phụ lục 8
MẪU BẢN KHAI THỜI GIAN HÀNH NGHỀ VÀ SỐ KM LÁI XE AN TOÀN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI
THỜI GIAN HÀNH NGHỀ VÀ SỐ KM LÁI XE AN TOÀN

Tôi là:.....

Sinh ngày:...../...../..... Nam, Nữ:.....

Nơi cư trú:.....

.....

Có giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân số:.....

Cấp ngày:...../...../....., nơi cấp:.....

Hiện tại tôi có giấy phép lái xe số:....., hạng.....

do:..... cấp ngày:...../...../.....

Từ ngày được cấp giấy phép lái xe đến nay, tôi đã có..... năm lái xe và có..... km lái xe an toàn.

Đề nghị..... cho tôi được dự sát hạch nâng hạng lấy giấy phép lái xe hạng.....

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên.

....., ngày..... tháng..... năm 20.....
NGƯỜI KHAI
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Phụ lục 9

MẪU SỔ THEO DÕI CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

SỔ THEO DÕI CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI

Số TT	Biển số đăng ký	Xe của cơ sở đào tạo	Xe hợp đồng	Nhãn hiệu	Loại xe	Số động cơ	Số khung	Giấy phép xe tập lái		Ghi chú
								Số giấy phép	Ngày cấp	

Phụ lục 10

MẪU BÁO CÁO PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO LÁI XE A1, A2, A3, A4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ SỞ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BÁO CÁO

PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO LÁI XE A1, A2, A3, A4

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc), các phòng ban:.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:.....

3. Quyết định thành lập số..... ngày...../...../..... của.....

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo/năm.

II. BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE

1. Đào tạo lái xe từ năm..... loại xe (xe mô tô, xe A4) theo văn bản số..... ngày...../...../..... của.....

Từ khi thành lập đến nay đã đào tạo được..... học sinh, lái xe loại.....

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại....., thời gian đào tạo..... tháng (đối với từng loại, số học sinh mỗi loại).

(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)

3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m^2), đủ hay thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: cabin, mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp.... (đối chiếu với quy định để báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thống kê và trình bày hiện vật).

5. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:.....
- Số giáo lượng viên dạy thực hành:.....

DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH (hoặc LÝ THUYẾT) LÁI XE

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số giấy chứng minh nhân dân	Đơn vị công tác	Hình thức tuyển dụng		Trình độ			Hạng giấy phép lái xe	Ngày trúng tuyển	Thâm niên dạy lái	Ghi chú
					Biên chế	Hợp đồng (thời hạn)	Văn hóa	Chuyên môn	Sư phạm				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1													
2													
3													
…													

6. Xe tập lái: số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học viên tập.

- *Chủng loại:*
- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %).
- Thiết bị dạy lái trên xe.
- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định.

DANH SÁCH XE TẬP LÁI

Số TT	Số đăng ký xe	Nhãn xe	Hạng xe	Năm sản xuất	Chủ sở hữu/hợp đồng	Hệ thống phanh phụ (có, không)	Giấy phép xe tập lái (có, không)
1							
2							
....							

7. Sân tập lái có diện tích:..... m^2.

- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.
- Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung:

.....

.....

9. Đăng ký đào tạo:

- Hạng:.....
- Lưu lượng:..... (đối với hạng A3, A4).

10. Thời gian đào tạo: từ ngày…..

XÁC NHẬN
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(GIÁM ĐỐC)
(Ký tên, đóng dấu)

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 11a

MẪU BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC SÁT HẠCH LÁI XE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ SỞ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../	*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*

BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC SÁT HẠCH LÁI XE

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Tiếp theo công văn số..... ngày...../...../.....

Trường (Trung tâm)..... đã có báo cáo khai giảng và đăng ký sát hạch các lớp đào tạo lái xe Khóa..... với Tổng cục (Sở), nay Khóa học đã hoàn thành chương trình học tập và xin tổ chức sát hạch, cụ thể:

Số TT	Khóa - Lớp	Hạng giấy phép lái xe	Số học viên vào học	Số học viên dự sát hạch	Ngày sát hạch	Ghi chú
1	Hệ đào tạo mới					
2						
3						
4	Hệ đào tạo nâng hạng					

(có danh sách học viên các khóa học kèm theo)

Trường (Trung tâm)..... đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...) xét duyệt và tổ chức kỳ sát hạch cho học viên các khóa - lớp trên.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 11b

MẪU DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH (BÁO CÁO 2)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH
Cấp giấy phép lái xe hạng:.....
Khóa:.....
(Mỗi hạng lập 1 danh sách riêng)

BÁO CÁO 2
Thời gian đào tạo:..... tháng
Khai giảng ngày..... tháng..... năm.....
Bế giảng ngày..... tháng..... năm.....

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Thâm niên lái xe		Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo	Ghi chú
							Số năm lái xe	Số km lái xe an toàn		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
	Tên xếp theo vần A, B, C...									

....., ngày..... tháng..... năm 20.....
THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 11c
MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA HỒ SƠ THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH LÁI XE
(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA HỒ SƠ THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH LÁI XE

Hôm nay, vào hồi..... giờ, ngày...../...../....., tại Cơ quan quản lý sát hạch....., Tổ kiểm tra hồ sơ thí sinh dự sát hạch lái xe của cơ sở đào tạo....., gồm:

1. Ông (Bà)....., Chuyên viên.
2. Ông (Bà)....., Chuyên viên.
3. Ông (Bà)....., Đại diện cơ sở đào tạo.

Sau khi đối chiếu báo cáo số 1, báo cáo số 2 và kiểm tra hồ sơ của các thí sinh dự sát hạch.

KẾT QUẢ

Tổng số hồ sơ xin dự sát hạch:.....

Số hồ sơ xét hợp lệ:....., trong đó:

- Số thi mới:..... - Số hồ sơ thi lại và vắng:.....

(Theo bảng phân loại dưới đây)

Khóa học	A1	A2	A3	A4	B1	B2	C	D	E	F	Tổng số
Số hồ sơ hợp lệ											

Danh sách hồ sơ thí sinh dự thi sát hạch hợp lệ được sát hạch (có danh sách kèm theo).

Số hồ sơ không hợp lệ:....., được phân theo các lý do (theo bảng dưới đây).

Hạng/Lý do	A1	A2	A3	A4	B1	B2	C	D	E	F
Không có trong danh sách báo cáo 1										
Đơn đề nghị dự sát hạch không đúng										

Chưa đủ thời gian đào tạo										
Chưa đủ thâm niên nâng hạng										
Chưa đủ hoặc hết hạn tuổi										
Sai lệch với chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân										
Giấy chứng nhận sức khỏe không đúng										
Giấy phép lái xe hết hạn, không có hồ sơ										

Danh sách hồ sơ thí sinh dự thi sát hạch không hợp lệ (có danh sách kèm theo).

Tổ kiểm tra lập biên bản này báo cáo Cơ quan quản lý sát hạch cho số thí sinh có hồ sơ hợp lệ trên được dự sát hạch.

CÁN BỘ KIỂM TRA HỒ SƠ	**CƠ SỞ ĐÀO TẠO LÁI XE**
(Ký và ghi rõ họ, tên)	*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

Phụ lục 12a

MẪU QUYẾT ĐỊNH TỔ CHỨC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GTVT (UBND TỈNH...) **TỔNG CỤC ĐBVN (SỞ GTVT)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*

QUYẾT ĐỊNH

TỔ CHỨC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM
(GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI...)

Căn cứ Quyết định số..... ngày...../...../..... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải);

Căn cứ khoản..... Điều..... Thông tư số...../...../TT-BGTVT ngày...../...../..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

Xét đề nghị của:.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép tổ chức kỳ sát hạch lái xe..... cho thí sinh khóa..... của Trường (Trung tâm).....

Tổng số..... thí sinh, gồm các hạng B1:..... thí sinh, B2:..... thí sinh v.v... (Danh sách thí sinh dự thi các hạng kèm theo).

Kỳ sát hạch được tiến hành từ ngày...../...../..... tại Trung tâm sát hạch lái xe:.....

Điều 2. Thành lập Hội đồng sát hạch gồm các thành viên có tên dưới đây:

1. Chủ tịch Hội đồng: Ông (Bà):..... Chức vụ công tác.....

2. Các Ủy viên:

- Ông (Bà):..... Giám đốc Trung tâm sát hạch lái xe.....;
- Ông (Bà):..... Hiệu trưởng, Giám đốc cơ sở đào tạo.....;
- Ông (Bà):..... Tổ trưởng Tổ sát hạch;
- Ông (Bà):..... Ủy viên thư ký.

Trách nhiệm của từng thành viên do Chủ tịch hội đồng phân công.

Điều 3. Thành lập Tổ sát hạch gồm các ông, bà có tên dưới đây:

1. Ông (Bà):..... Tổ trưởng; 3. Ông (Bà):..... Sát hạch viên;

2. Ông (Bà):..... Sát hạch viên; 4.....

Nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên do Tổ trưởng sát hạch phân công.

Điều 4. Hội đồng sát hạch và Tổ sát hạch có các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều..... Thông tư số...../...../TT-BGTVT ngày...../...../..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ và các văn bản hướng dẫn của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

Kết thúc kỳ sát hạch, lập xong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, Hội đồng sát hạch và Tổ sát hạch tự giải thể.

Điều 5. Hội đồng sát hạch, Tổ sát hạch, Thủ trưởng cơ sở đào tạo, Giám đốc trung tâm sát hạch lái xe và thí sinh có tên tại các Điều 1, 2, 3 nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Lưu;

TỔNG CỤC TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 12b

MẪU DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE CÁC HẠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE HẠNG.....

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hộ chiếu)	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe			Số chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo	Ghi chú
						Hạng	Thâm niên hành nghề			
							Năm hành nghề	Số km lái xe an toàn		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
	Tên xếp theo vần A, B, C...									

Phụ lục 12c

MẪU DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH LẠI ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH LẠI ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hộ chiếu)	Nơi cư trú	Hạng giấy phép lái xe	Số giấy phép lái xe	Cơ quan quản lý giấy phép lái xe	Ngày hết hạn GPLX	Lý do sát hạch	Nội dung sát hạch	Ghi chú
	Tên xếp theo vần A, B, C...										

Phụ lục 13

MẪU DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH LẠI ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TỔNG CỤC ĐBVN (SỞ GTVT…)
VỤ (PHÒNG) QLPT&NL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH LẠI ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Vụ (Phòng) Quản lý PT&NL đề nghị Lãnh đạo Tổng cục (Sở) chấp thuận để các thí sinh có tên dưới đây được dự sát hạch cùng với kỳ sát hạch lái xe của cơ sở đào tạo..... tổ chức ngày...../...../.....

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hộ chiếu)	Nơi cư trú	Hạng giấy phép lái xe	Số giấy phép lái xe	Cơ quan quản lý giấy phép lái xe	Ngày hết hạn	Lý do sát hạch	Nội dung sát hạch	Ghi chú
	Tên xếp theo vần A, B, C...										

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

NGƯỜI LẬP
(Ký và ghi rõ họ, tên)

TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)
VỤ TRƯỞNG (TRƯỞNG BAN.....)
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 14

MẪU THẺ SÁT HẠCH VIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Mặt trước:

BỘ GTVT
TỔNG CỤC ĐBVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THẺ SÁT HẠCH VIÊN
Số: xxxxx

Ảnh màu
3 cm x 4 cm
(chụp không quá 06 tháng)

Họ và tên:.....
Ngày sinh:.....
Cơ quan quản lý:.....

Được sát hạch hạng	x	x	x	x	x	x	x

Ngày cấp: xx/xx/xxxx
Có giá trị đến: xx/xx/xxxx

(Chữ ký và dấu của cơ quan quản lý)

2. Mặt sau:

Ghi chú:
- Được phép sát hạch lý thuyết và thực hành theo hướng dẫn của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.
- Chỉ được sử dụng khi Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải giao nhiệm vụ.
- Khi sát hạch phải mang theo Thẻ sát hạch viên.
- Thẻ sát hạch viên không có giá trị thay giấy phép lái xe.
- Không cho người khác mượn Thẻ sát hạch viên
- Mất Thẻ sát hạch viên phải báo ngay cho Sở Giao thông vận tải và Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

3. Quy cách:
- Kích thước: 85,6 x 53,98 x 0,76 mm.
- Tiêu đề "THẺ SÁT HẠCH VIÊN ", chữ "Số" và tên hạng được sát hạch có màu đỏ, các chữ khác in màu đen.
- Ảnh của sát hạch viên được in trực tiếp trên thẻ sát hạch viên.
- Phôi được làm bằng vật liệu PVC hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có logo Tổng cục Đường bộ Việt Nam và các ký hiệu bảo mật.

Phụ lục 15a[79]

MẪU BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÁI XE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÁI XE

Ảnh chân dung 3 cm x 4 cm (chụp không quá 06 tháng)	Họ và tên thí sinh:..... Nam (Nữ)..... Sinh ngày...../...../..... Quốc tịch:..... Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:..... Nơi cư trú:..... Số giấy CMND (hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu):..... ....., ngày...../...../..... tại:..... Thi lấy giấy phép lái xe hạng:..... Học lái xe tại cơ sở đào tạo.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

(Thí sinh ký và ghi rõ họ tên)

I. KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên		

II. KẾT QUẢ SÁT HẠCH TRÊN THIẾT BỊ MÔ PHỎNG

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên		

III. KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên		

IV. KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên		

Kết luận của Tổ trưởng Tổ sát hạch

Hạng..... Đạt □ Không đạt □

TỔ TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ, tên)

..... ngày..... tháng……. năm 20....

TM. HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

---

[79] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại điểm b khoản 13 Điều 2 của Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 03 năm 2021.

Phụ lục 15b[80]

MẪU BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÁI XE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÁI XE

Ảnh chân dung 3 cm x 4 cm (chụp không quá 06 tháng)	Họ và tên thí sinh:..... Nam (Nữ)..... Sinh ngày...../...../..... Quốc tịch:..... Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:..... Nơi cư trú:..... Số giấy CMND (hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu):..... ....., ngày...../...../..... tại:..... Thi lấy giấy phép lái xe..... hạng:..... Học lái xe tại cơ sở đào tạo.....

……, ngày……. tháng…... năm……
(Thí sinh ký và ghi rõ họ tên)

I. KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên		

II. KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên		

Kết luận của Tổ trưởng Tổ sát hạch
Hạng..... Đạt ☐ Không đạt ☐
TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ, tên)

....., ngày..... tháng..... năm 20.....
THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN QUẢN LÝ SÁT HẠCH
(Ký tên, đóng dấu)

---

[80] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại điểm c khoản 13 Điều 2 của Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

Phụ lục 16a

MẪU QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN KỲ SÁT HẠCH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GTVT (UBND TỈNH…) **TCĐBVN (SỞ GTVT…)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM
(GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI)

Căn cứ Quyết định số..... ngày...../...../..... của..... về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải.....);

Căn cứ Thông tư số...../...../TT-BGTVT ngày...../...../..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng (Trưởng Phòng):.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch cho..... học viên lái xe (ô tô, mô tô) của cơ sở đào tạo lái xe....., sát hạch từ ngày...../...../..... đến ngày...../...../..... được cấp giấy phép lái xe, gồm:

(Ghi rõ số lượng thí sinh từng hạng có danh sách thí sinh trúng tuyển kèm theo).

Điều 2. Các Ông (Bà): Vụ trưởng (Trưởng Phòng.....) thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...), Thủ trưởng cơ sở đào tạo, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 2; - Lưu: VT, BQLSH.	**TỔNG CỤC TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)** *(Ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục 16b

MẪU DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số giấy chứng minh nhân dân (hộ chiếu)	Nơi cư trú	Đã có giấy phép lái xe		Lớp, Khóa	Hạng giấy phép lái xe được cấp	Ghi chú
					Hạng	Ngày trúng tuyển			

Phụ lục 17[81]

MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Mặt trước:

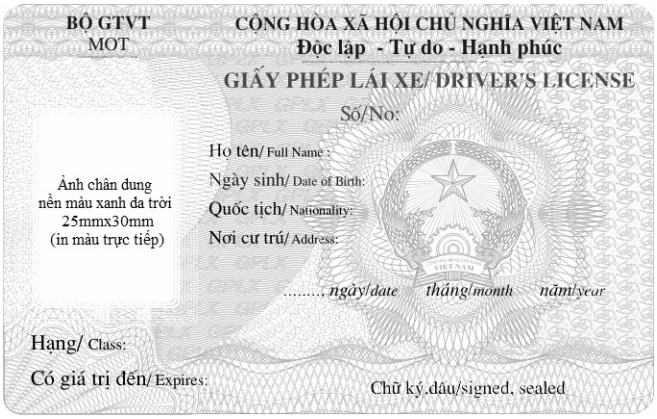

2. Mặt sau:

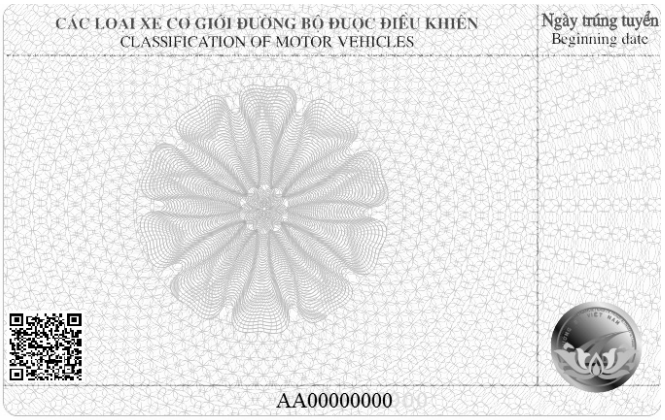

a) In từng hạng giấy phép lái xe cơ giới đường bộ mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

b) Đối với hạng giấy phép lái xe số tự động, ghi là: Xe ô tô hạng B1 số tự động.

c) Đối với giấy phép lái xe hạng A1 cấp cho người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật, ghi là: Xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật.

---

[81] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại điểm d khoản 13 Điều 2 của Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 03 năm 2021.

d) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật tay trái, ghi là:

"Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg có cơ cấu điều khiển đèn pha, đèn xi nhan phù hợp với người khuyết tật tay trái, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật tay trái."

đ) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật tay phải, ghi là:

"Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg có cơ cấu điều khiển đèn pha, đèn xi nhan phù hợp với người khuyết tật tay phải, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật tay phải.".

e) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật chân phải, ghi là:

"Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg có cơ cấu điều khiển ga động cơ, phanh chân phù hợp với người khuyết tật chân phải, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật chân phải.".

g) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật nói chung (trừ khuyết tật tay trái, tay phải, chân phải), ghi là:

"Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật nói chung (trừ khuyết tật tay trái, tay phải, chân phải).".

h) Đối với một số trường hợp đặc thù được ghi rõ điều kiện hạn chế tại mặt sau của giấy phép lái xe.

3. Quy cách:

a) Kích thước: 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1).

b) Tiêu đề "GIẤY PHÉP LÁI XE/DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và " Ngày trúng tuyển" có màu đỏ, các chữ khác in màu đen.

c) Ảnh của người lái xe chụp trên nền mầu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe.

d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe.

đ) Phôi được làm bằng vật liệu PET hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu vàng rơm và các ký hiệu bảo mật.

e) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe.

Phụ lục 18a
MẪU BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GTVT (UBND TỈNH…) **TCĐBVN (SỞ GTVT…)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../	*……, ngày..... tháng..... năm 20…..*

BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải....)

Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải.....) đề nghị xác minh giấy phép lái xe theo các nội dung sau:

Họ và tên:..... Quốc tịch:....., Nam (Nữ).....

Sinh ngày...../...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Nơi cư trú:.....

Số giấy CMND (hoặc hộ chiếu):..... cấp ngày...../...../....., nơi cấp.....

Đã học lái xe tại:..... năm.....

Hiện có giấy phép lái xe hạng:....., số:....., do Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...) cấp ngày...../...../.....

CÁN BỘ ĐỀ NGHỊ XÁC MINH *(Ký và ghi rõ họ, tên)*	**THỦ TRƯỞNG** **CƠ QUAN QUẢN LÝ GPLX** *(Ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục 18b

MẪU BẢN XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GTVT (UBND TỈNH…) **TCĐBVN (SỞ GTVT…)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../	*……, ngày..... tháng..... năm 20…..*

BẢN XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...) trả lời xác minh giấy phép lái xe theo các nội dung sau:

Họ và tên:..... Quốc tịch....., Nam (Nữ).....

Sinh ngày...../...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Nơi cư trú:.....

Số giấy CMND (hoặc hộ chiếu):..... cấp ngày...../...../..... Nơi cấp:.....

Đã học lái xe tại..... năm.....

Hiện có giấy phép lái xe hạng:....., số:....., do Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...) cấp ngày..... /...../.....

KẾT QUẢ XÁC MINH

1. Các thông tin có trong Hồ sơ quản lý sát hạch:

Tên của người lái xe ☐; Ngày tháng năm sinh ☐; Nơi thường trú ☐

Nơi cư trú ☐; Số giấy CMND (hoặc hộ chiếu) ☐; Ngày cấp ☐; Nơi cấp ☐; Tên cơ sở đào tạo ☐

GPLX hạng ☐; Số GPLX ☐; Cơ quan cấp ☐; Ngày tháng năm ☐

2. Kiến nghị, đề xuất:

Đổi ☐. Cấp lại ☐. Đưa vào danh sách dự sát hạch lại ☐

CÁN BỘ XÁC MINH *(Ký và ghi rõ họ, tên)*	**THỦ TRƯỞNG** **CƠ QUAN QUẢN LÝ GPLX** *(Ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục 19[82]

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE *(1)*

Kính gửi:.....

Tôi là:..... Quốc tịch:.....
Sinh ngày:...../…../..... Nam, Nữ:.....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
.....
Nơi cư trú:.....
Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):.....
....., cấp ngày...../...../....., nơi cấp:.....
Đã học lái xe tại:..... năm.....
Đã có giấy phép lái xe số:....., hạng:....., do:..... cấp ngày...../...../.....
Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:.....
Lý do:.....
Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có ☐ không ☐
Xin gửi kèm theo:
- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;
- Bản sao giấy CMND hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu), giấy phép lái xe sắp hết hạn;
- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm *(2)*.

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:
(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.
(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.

---

[82] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại điểm đ khoản 13 Điều 2 của Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 03 năm 2021.

Phụ lục 20

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ
APPLICATION FORM FOR EXCHANGE OF DRIVER'S LICENCE
(Dùng cho người nước ngoài) - (For Foreigner only)

Kính gửi (To): Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)
Directorate for Road of Viet Nam (Transport Department...)

Tôi là (Full name):.....
Quốc tịch (Nationality):.....
Ngày tháng năm sinh (Date of birth):.....
Hiện cư trú tại (Permanent Address):.....
Số hộ chiếu (Passport No.):.....
Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):..... tháng (month)..... năm (year).....
Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current Driving Licence No.):.....
Cơ quan cấp (Issuing Office):.....
Tại (Place of issue):.....
Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):..... tháng (month)..... năm (year).....
Lý do xin đổi giấy phép lái xe (Reason of application for new driving licence):.....
.....

Định cư lâu dài tại Việt Nam/không định cư lâu dài tại Việt Nam (Long time of staying in Viet Nam/Short time of staying in Viet Nam).

Gửi kèm theo đơn gồm có (Documents enclosed as follows):

- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài đã được công chứng (Translation of current foreign driving licence with notation);
- Bản sao hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh) [Copy of passport (included pages: full name, photograph, valid visa)].

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.

....., ngày (date)..... tháng (month)..... năm (year).....
NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)
(Ký và ghi rõ họ, tên)
(Signature and Full name)

Phụ lục 21

MẪU BÁO CÁO TỔNG HỢP CẤP, ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM
(SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI…)

Số:...../.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

BÁO CÁO TỔNG HỢP CẤP, ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE

năm.....

Hạng giấy phép lái xe	Người Việt Nam		Người nước ngoài		Tổng số	Xác minh giấy phép lái xe		Ấn chỉ giấy phép lái xe bị hỏng	Ghi chú
	Cấp cho thí sinh thi mới	Đổi, cấp lại cho người đã có giấy phép lái xe	Cấp cho thí sinh thi mới	Đổi, cấp lại cho người đã có giấy phép lái xe		Số lượng đề nghị xác minh	Số lượng xác minh		
A1									
A2									
A3									
A4									
B1									
B2									
C									
D									
E									
F...									
Cộng									

Số ấn chỉ hỏng: AA123456, AA123457.....

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký và ghi rõ họ, tên)

TỔNG CỤC TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC SỞ)
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 22[83]

MẪU TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Vị trí:

- Hai bên cửa xe đối với xe ô tô hạng B1, B2;
- Hai bên thành xe đối với xe ô tô các hạng C, D, E;
- Hai bên cửa của xe đầu kéo đối với xe ô tô hạng F.

2. Kiểu chữ: Times New Roman in hoa.

3. Kích thước chữ

a) Đối với xe ô tô tập lái hạng B1, B2 và F:

- Cỡ chữ tên cơ sở đào tạo cao: 3 cm;
- Cỡ chữ, số điện thoại cao: 4 cm.

b) Đối với xe ô tô tập lái hạng C, D, E:

- Cỡ chữ tên cơ sở đào tạo cao: 4 cm;
- Cỡ chữ, số điện thoại cao: 5 cm.

---

[83] Phụ lục này được bổ sung theo quy định điểm a khoản 30 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

Phụ lục 23[84]
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TẬP HUẤN
NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE
(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Thời gian tập huấn: 05 ngày

Trong đó:

- Khai giảng: 0,25 ngày
- Kiểm tra đánh giá: 0,5 ngày
- Bế giảng: 0,25 ngày
- Thực học: 4 ngày

2. Danh mục các môn học bắt buộc, thời gian và phân bổ thời gian

TT	Tên môn học	Thời gian của môn (giờ)			
		Tổng số giờ	Trong đó		
			Lý Thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Văn bản quy phạm pháp luật về dạy nghề	6	4		2
3	Giao tiếp sư phạm	4	4		
5	Soạn giáo án và trình giảng các môn học lý thuyết và thực hành lái xe ô tô theo phương pháp dạy học tích cực để nâng cao chất lượng đào tạo (Cập nhật kiến thức mới và kỹ năng xử lý tình huống lái xe an toàn)	22	4	16	2
6	Ứng dụng công nghệ thông tin, thiết bị dạy học hiện đại trong đào tạo nghề và kiến thức mới	4	2	2	
	Tổng cộng	**36**	**14**	**16**	**4**

[84] Phụ lục này được bổ sung theo quy định điểm b khoản 30 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

Phụ lục 24[85]
MẪU GIẤY XÁC NHẬN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh màu 3 x 4 cm không chụp quá 6 tháng (đóng dấu giáp lai)

UBND xã, phường, thị trấn:.....

XÁC NHẬN:

Ông (Bà)..... Nam (nữ).....

Sinh ngày..... tháng..... năm..... Quốc tịch..... Dân tộc.....

Nơi cư trú.....

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu..... cấp ngày..... Nơi cấp.....

Là người không biết đọc, viết tiếng Việt.

Đề nghị cho Ông (Bà)..... được học, dự sát hạch để được cấp giấy phép lái xe hạng A1./.

....., ngày..… tháng… năm.....

NGƯỜI HỌC, SÁT HẠCH LÁI XE
(Ký và ghi rõ họ, tên hoặc điểm chỉ)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

[85] Phụ lục này được bổ sung theo quy định điểm c khoản 30 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

Phụ lục 25[86]

MẪU TRANG PHỤC CỦA SÁT HẠCH VIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

I. QUY CÁCH, MẦU SẮC TRANG PHỤC NAM

1. ÁO VEST NAM - QUẦN TÂY NAM

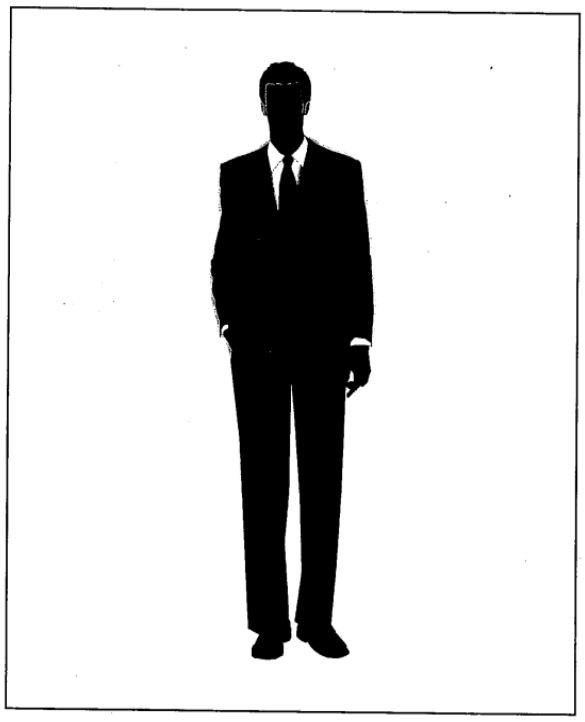

a) Áo veston

Chất liệu: Vải tuytsi pha len.

Màu sắc: Xanh đen.

Kiểu dáng: Kiểu 2 lớp, cổ 2 ve, 2 nút cài; thân trước có bổ 02 túi phía dưới có nắp, 01 túi áo ngực bên trái; 04 nút tay áo; thân sau có sống lưng xẻ dưới được bổ mảnh dọc theo thân; cúc nhựa hợp với mầu áo.

b) Quần

Chất liệu: Vải tuytsi pha len.

Màu sắc: Xanh đen.

Kiểu dáng: Quần âu kiểu cạp rời, hai túi sườn chéo. Thân trước mỗi bên xếp một ly lật về phía dọc quần; thân sau có một túi hậu cài khuy. Cửa quần may khóa kéo; đầu cạp có một móc và một cúc nằm trong.

---

[86] Phụ lục này được bổ sung theo quy định điểm d khoản 30 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

2. ÁO SƠ MI DÀI TAY THU - ĐÔNG

Chất liệu: Vải pôpơlin;

Màu sắc: Trắng;

Kiểu dáng: Áo cổ cài (đứng); nẹp bong, tay măng sét có hai cúc; có cúc nhựa cùng màu; gấu áo bằng, có một túi bên trái, bị túi đáy hơi lượn tròn, miệng túi may một đường 30mm, thân sau cầu vai.

3. ÁO SƠ MI NGẮN TAY XUÂN - HÈ

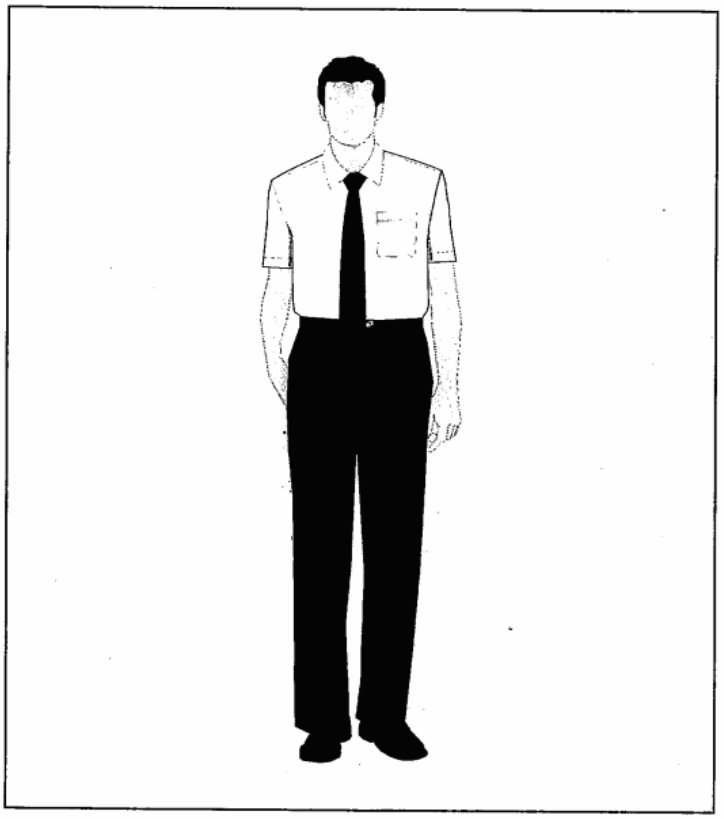

Chất liệu: Vải pôpơlin.

Màu sắc: Trắng.

Kiểu dáng: Áo cổ cài (đứng); nẹp bong tay áo, chiều dài tay áo cách khủy tay 2 cm; có cúc nhựa cùng màu; gấu áo bằng, có một túi bên trái, miệng túi may một đường 30mm, thân sau cầu vai.

4. GIẦY DA NAM CÓ DÂY

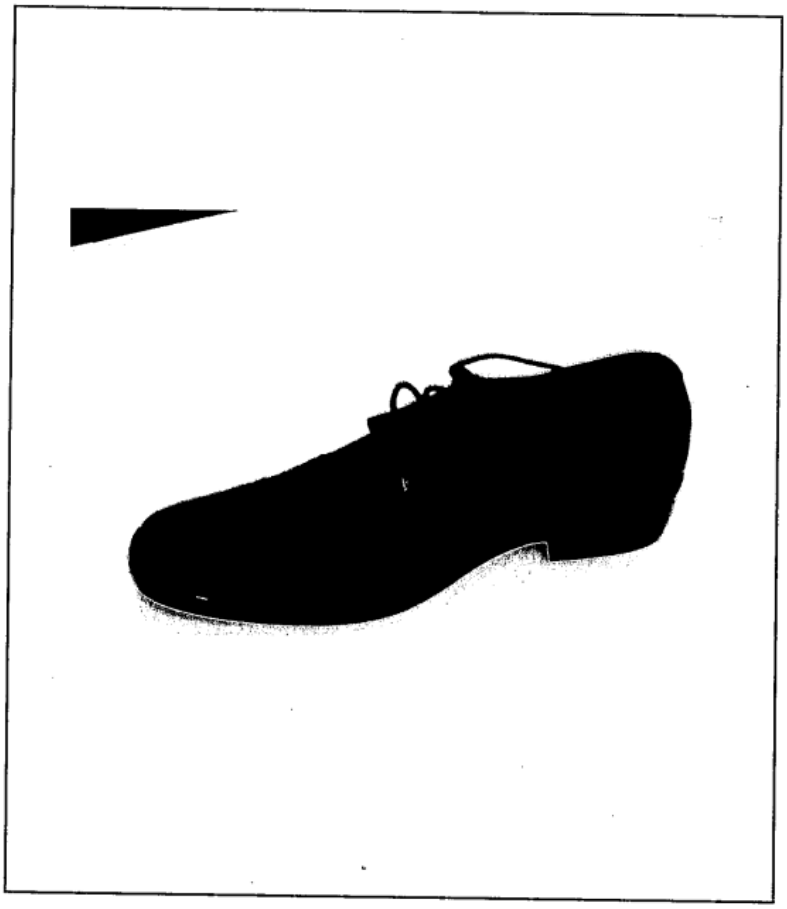

Đế PU, da nappa, mầu đen, thấp cổ, đế cao 2,5cm, có dây buộc.

II. QUY CÁCH, MÀU SẮC TRANG PHỤC NỮ

1. ÁO VÉT TÔNG NỮ

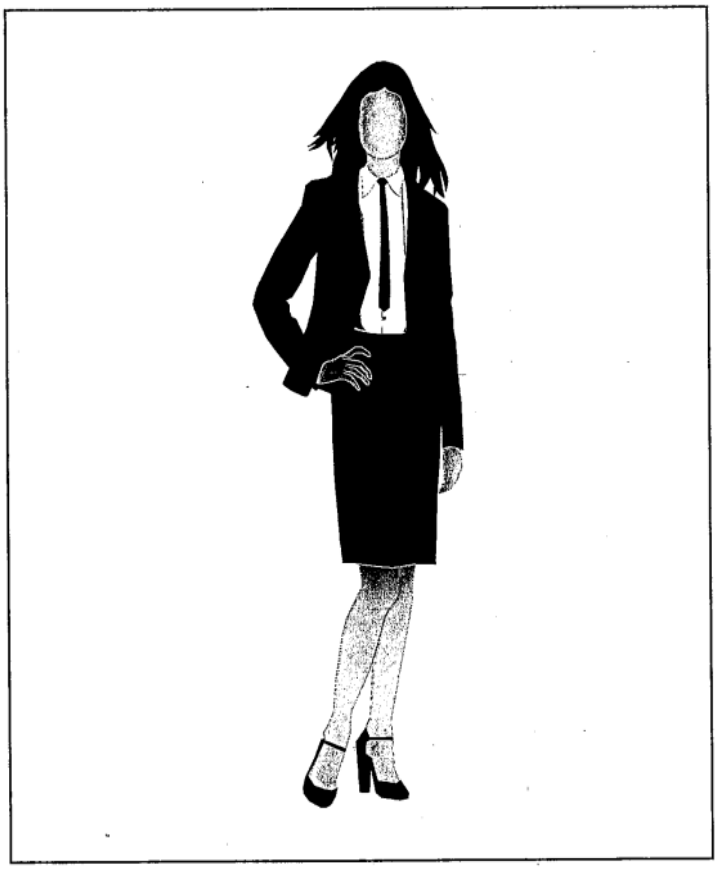

a) Chất liệu: Vải tuytsi pha len.

b) Màu sắc: Xanh đen.

c) Kiểu dáng: Kiểu 2 lớp, cổ 2 ve, có 02 nút cài, thân trước có bổ 02 túi phía dưới có nắp nẹp áo, thân sau có sống lưng xẻ dưới được bổ mảnh dọc theo thân và cúc nhựa hợp với mầu áo.

2. ÁO SƠ MI DÀI TAY NỮ THU - ĐÔNG, QUẦN

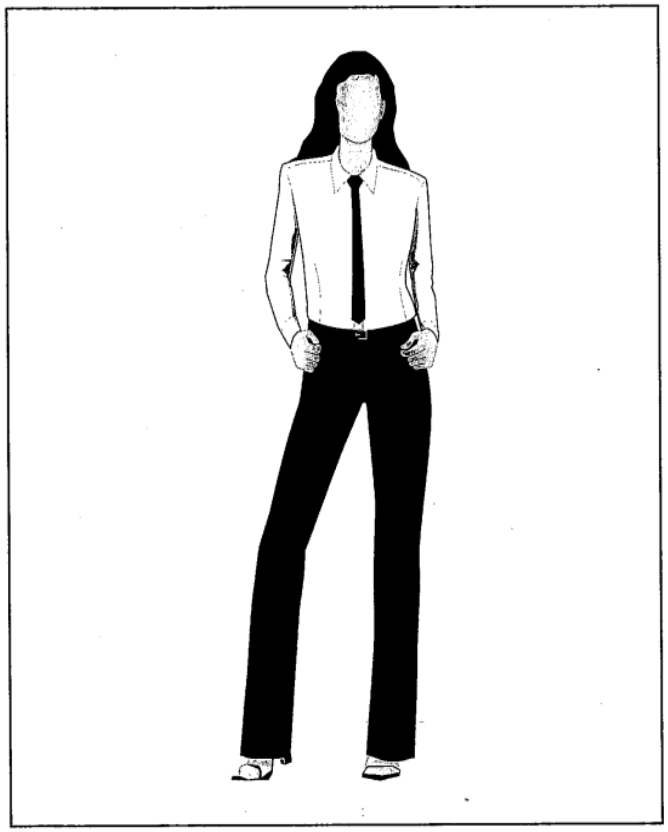

a) Áo sơ mi dài tay thu đông

Chất liệu: Vải pôpơlin.

Màu sắc: Trắng.

Kiểu dáng: Cổ cứng, vạt áo bằng, có hai ly trước và hai ly sau, nẹp bong, tay măng séc và cúc nhựa cùng màu.

b) Quần

Chất liệu: Vải tuytsi pha len.

Màu sắc: Xanh đen.

Kiểu dáng: Quần âu kiểu cạp rời, hai túi sườn chéo. Thân trước mỗi bên xếp một ly lật về phía dọc quần; thân sau có một túi hậu cài khuy. Cửa quần may khóa kéo; đầu cạp có một móc và một cúc nằm trong.

3. ÁO SƠ MI NGẮN TAY NỮ, VÁY

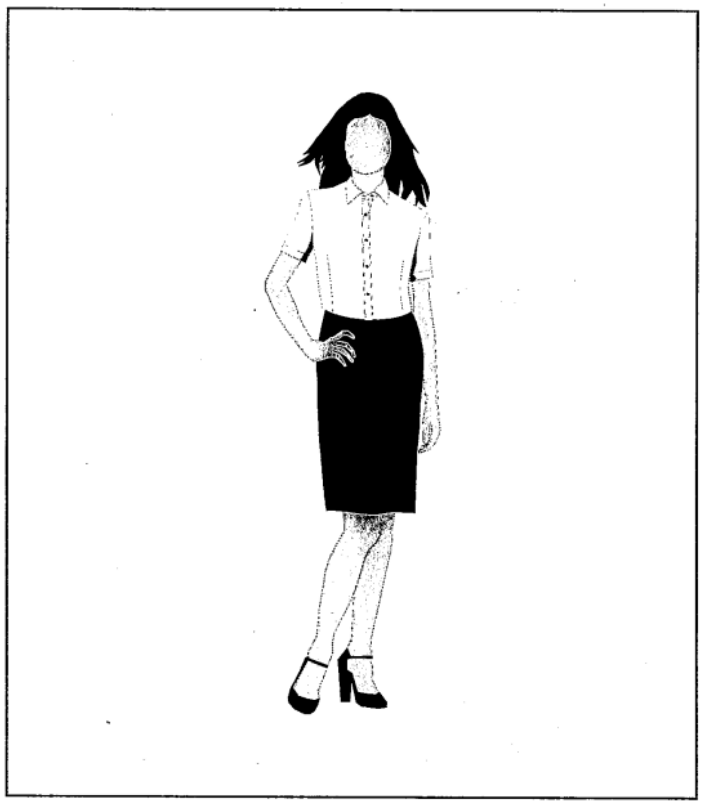

a) Áo sơmi xuân hè ngắn tay

Chất liệu: Vải pôpơlin.

Màu sắc: Trắng.

Kiểu dáng: Cổ cứng, vạt áo bằng, có hai ly trước và hai ly sau, nẹp bong, có cúc nhựa cùng màu, chiều dài tay áo cách khuỷu tay 02 cm.

b) Váy

Chất liệu: Tuytsi pha len

Màu sắc: Xanh đen.

Kiểu dáng: Váy hình chữ A, thân sau có khóa kéo hình giọt lệ, thân sau có xẻ, chiết ly hai bên, chiều dài váy chấm đầu gối hoặc ngay dưới đầu gối.

4. GIÀY DA NỮ

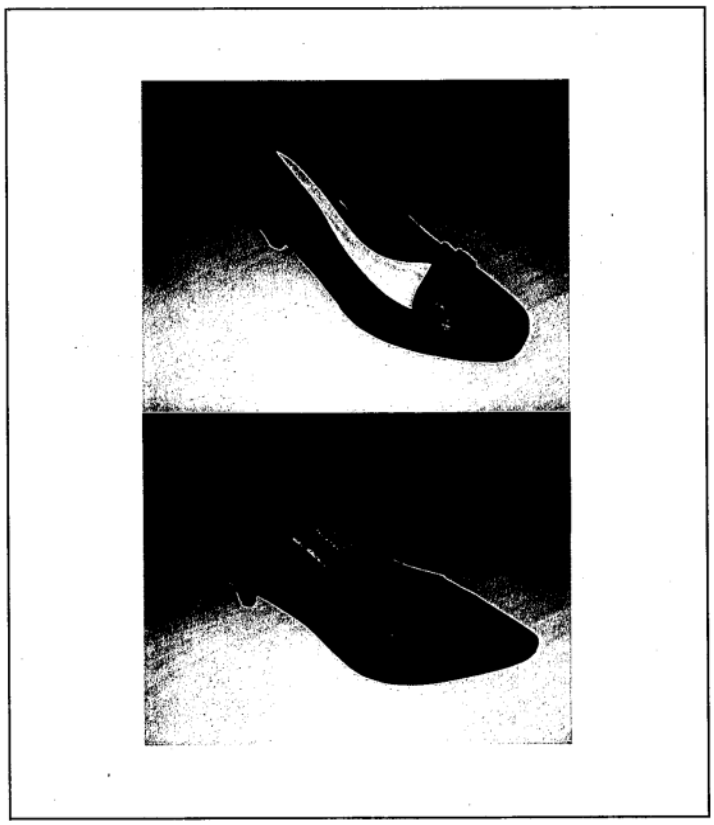

Đế PU, da nappa, mầu đen, thấp cổ, đế cao 2,5cm, có dây buộc.

III. TRANG PHỤC QUY ĐỊNH CHUNG

1. CÀ VẠT

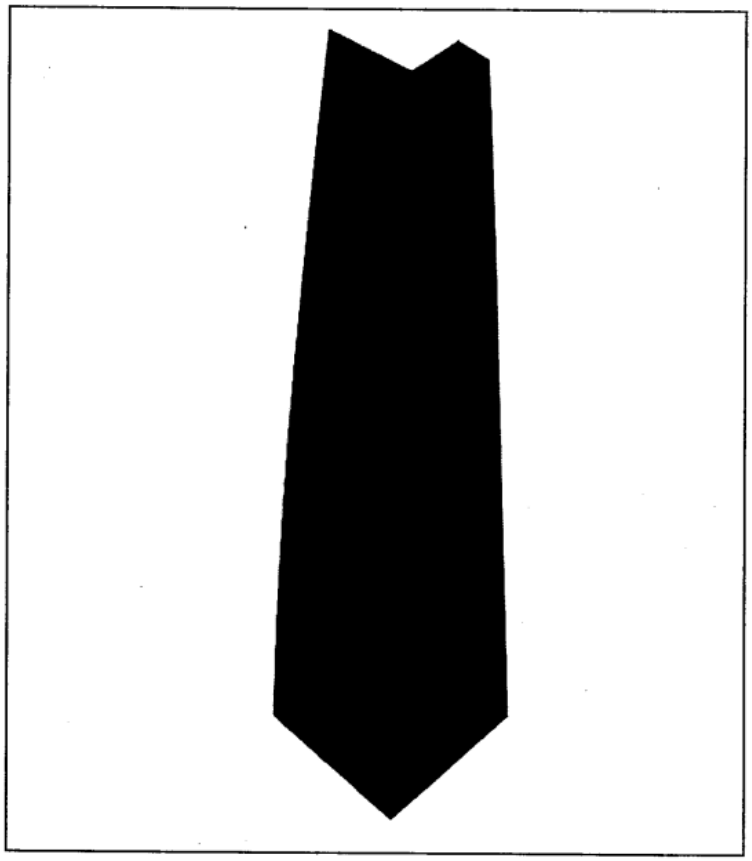

Vải tuytsi pha len, màu xanh đen, dùng cho trang phục thu - đông.

2. THẮT LƯNG NAM NỮ

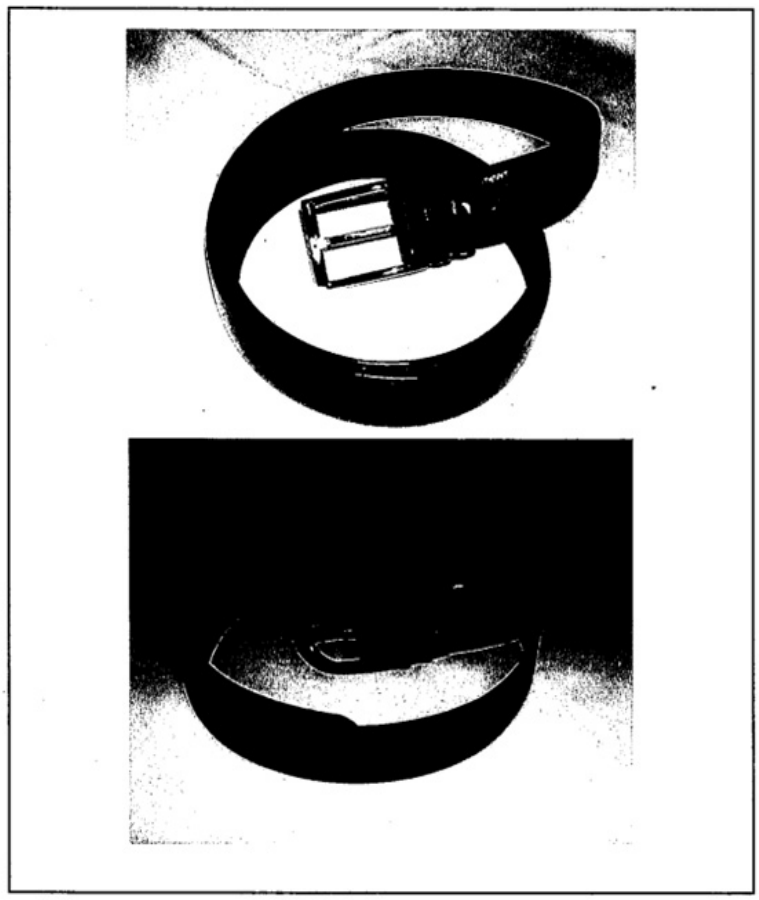

Chất liệu da, mầu đen, có mặt đồng hình chữ nhật, bản rộng 35 mm.

Phụ lục 26[87]

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SÁT HẠCH LÁI XE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ CÁC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

UBND TỈNH….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI…	**Độc lập - Tự do - Hanh phúc**

……, ngày… tháng… năm…..

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÁC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

(Từ ngày…….. đến ngày)

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam

TT	Cơ sở đào tạo	Kỳ sát hạch	Mô tô	Ô tô	Số thí sinh dự sát hạch	Số thí sinh vắng	Số thí sinh đạt sát hạch	Tỷ lệ %	Ghi chú
1									
2									
3									
….									
Tổng số									

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT,

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

[87] Phụ lục này được bổ sung theo quy định điểm đ khoản 30 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019. và được bổ sung theo quy định tại điểm điểm a khoản 14 Điều 2 của Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

Phụ lục 27[88]

MẪU BÁO CÁO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, SÁT HẠCH, CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

UBND TỈNH…. **SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI…**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:……./	*……, ngày….. tháng… năm…..*

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam

I. Công tác đào tạo lái xe:

1. Số lượng cơ sở đào tạo lái xe quản lý

2. Công tác kiểm tra cấp giấy phép đào tạo lái xe

3. Công tác kiểm tra cấp giấy phép xe tập lái

4. Công tác kiểm tra cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe

5. Công tác chỉ đạo điều hành đào tạo lái xe trên địa bàn.

II. Công tác sát hạch, cấp giấy phép lái xe

1. Số lượng trung tâm sát hạch lái xe quản lý.

2. Công tác chỉ đạo điều hành sát hạch lái xe trên địa bàn.

3. Báo cáo số lượng cấp giấy phép lái xe, gồm: cấp mới giấy phép lái xe, cấp đổi giấy phép lái xe và cấp lại giấy phép lái xe.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu VT,	**GIÁM ĐỐC** *(Ký tên, đóng dấu)*

[88] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại điểm điểm b khoản 14 Điều 2 của Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng